

Hướng dẫn sử dụng

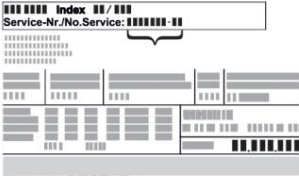
Chất lượng, Thiết kế và Đổi mới



home.liebherr.com/fridge-manuals



LIEBHERR

Giải thích biểu tượng	
	Thông tin bổ sung trên Internet Bạn có thể tìm thấy hướng dẫn sử dụng kỹ thuật số có thông tin bổ sung và bằng nhiều ngôn ngữ khác thông qua mã QR ở mặt trước của hướng dẫn hoặc bằng cách nhập số dịch vụ tại home.liebherr.com/fridge-manuals. Số dịch vụ có thể được tìm thấy trên thẻ sê-ri:  Hình. Ví dụ minh họa
	Kiểm tra thiết bị. Kiểm tra tất cả các bộ phận xem có hư hỏng khi vận chuyển không. Nếu có bất kỳ khiếu nại nào, vui lòng liên hệ với đại lý hoặc bộ phận chăm sóc khách hàng.
	Sự khác biệt Những hướng dẫn này áp dụng cho nhiều mẫu máy khác nhau, do đó có thể có sự khác biệt. Những phần chỉ áp dụng cho một số mẫu máy nhất định sẽ được đánh dấu bằng dấu hoa thị (*).
	Hướng dẫn và kết quả Hướng dẫn được đánh dấu bằng dấu . ▶ Kết quả được đánh dấu bằng dấu . ▶
	Video Video về các thiết bị có sẵn trên kênh YouTube của Liebherr-Hausgeräte.

Giấy phép nguồn mở: Thiết bị

chứa các thành phần phần mềm sử dụng giấy phép nguồn mở. Thông tin về các giấy phép nguồn mở được sử dụng có thể được tìm thấy tại đây: home.liebherr.com/open-source-licences. Hướng dẫn vận hành này áp dụng cho:

RB.. 525i / 528i
SRB.. 526i / 528i / 529i

1 Hướng dẫn an toàn chung

Vui lòng giữ hướng dẫn sử dụng này ở nơi an toàn để bạn có thể tham khảo lại bất cứ lúc nào.

Nếu bạn chuyển giao thiết bị, vui lòng đưa hướng dẫn sử dụng này cho người dùng tiếp theo.

Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng để đảm bảo sử dụng thiết bị an toàn và đúng cách. Luôn tuân thủ các hướng dẫn, chỉ dẫn an toàn và thông báo cảnh báo kèm theo. Chúng rất quan trọng để đảm bảo bạn có thể vận hành và lắp đặt thiết bị an toàn và không gặp bất kỳ sự cố nào.

Nguy hiểm cho người sử dụng:

- Trẻ em và những người bị suy giảm khả năng thể chất, giác quan hoặc tinh thần hoặc thiếu kinh nghiệm và kiến thức có thể sử dụng thiết bị này miễn là họ được giám sát hoặc được hướng dẫn về cách sử dụng thiết bị này một cách an toàn và về những mối nguy hiểm có thể xảy ra.

Trẻ em không được chơi với thiết bị này. Trẻ em không được phép thực hiện công việc vệ sinh và bảo trì thiết bị.

- không được phép sử dụng thiết bị mà không có sự giám sát của người lớn. Trẻ em từ 3 đến 8 tuổi được phép tự tháo lắp thiết bị.
- Trẻ em dưới 3 tuổi phải tránh xa thiết bị trừ khi có sự giám sát liên tục của người lớn.
- Ổ cắm phải dễ dàng tiếp cận để có thể nhanh chóng ngắt kết nối thiết bị khỏi nguồn điện trong trường hợp khẩn cấp. Ổ cắm không được đặt ở khu vực phía sau thiết bị.
 - Khi ngắt thiết bị khỏi nguồn điện, luôn cắm vào phích cắm. Không kéo dây cáp.
 - Trong trường hợp có lỗi, hãy rút phích cắm điện hoặc ngắt cầu chì.
 - Không làm hỏng dây nguồn. Không vận hành thiết bị khi dây nguồn bị lỗi.
 - Chỉ có nhân viên chăm sóc khách hàng hoặc nhân viên được đào tạo đặc biệt mới được sửa chữa hoặc thực hiện các thao tác khác trên thiết bị.
 - Chỉ lắp ráp, kết nối và vứt bỏ thiết bị theo hướng dẫn.
 - Nhà sản xuất không chịu trách nhiệm về thiệt hại gây ra bởi kết nối nước cố định bị lỗi.*
- Nguy cơ cháy nổ:
- Chất làm mát được sử dụng (thông tin trên nhãn sản phẩm) thân thiện với môi trường nhưng cũng dễ cháy. Bất kỳ chất làm mát nào bị rò rỉ đều có thể bắt lửa. • Không làm hỏng các ống dẫn môi chất lạnh. • Không xử lý các nguồn gây cháy bên trong thiết bị. • Không sử dụng các thiết bị điện bên trong thiết bị (ví dụ: máy làm sạch bằng hơi nước, máy sưởi, máy làm kem, v.v.). • Nếu môi chất lạnh bị rò rỉ: hãy loại bỏ mọi ngọn lửa trần hoặc nguồn gây cháy khỏi khu vực rò rỉ.
- Thông gió phòng đúng cách. Thông báo cho bộ phận chăm sóc khách hàng.
- Không cất giữ chất nổ hoặc bình xịt sử dụng các chất đẩy dễ cháy như butan, propan, pentan, v.v. trong thiết bị. Để nhận biết các bình xịt này, hãy xem danh sách thành phần được in trên bình hoặc biểu tượng ngọn lửa. Khí thoát ra có thể bắt lửa do các linh kiện điện.
- Để nén, đèn và các vật dụng có ngọn lửa trần khác tránh xa thiết bị để tránh gây cháy thiết bị.
- Vui lòng đảm bảo bảo quản đồ uống có cồn hoặc các loại bao bì khác có chứa cồn trong các hộp đựng kín. Bất kỳ chất cồn nào rò rỉ ra ngoài đều có thể bị bắt lửa bởi các linh kiện điện.
- Nguy cơ đổ và rơi: - Không sử dụng kệ, ngăn kéo, cửa, v.v. làm bậc thang hoặc chỗ dựa. Điều này đặc biệt đúng với trẻ em.
- Nguy cơ ngộ độc thực phẩm: - Không sử dụng thực phẩm đã để quá lâu.
- Nguy cơ tê cứng, tê liệt và đau đớn: - Tránh tiếp xúc da trong thời gian dài với bề mặt lạnh hoặc hàng hóa đông lạnh/lạnh hoặc thực hiện các biện pháp bảo vệ, ví dụ như đeo găng tay.
- Nguy cơ gây thương tích và hư hỏng: - Hơi nước nóng có thể gây thương tích. Không sử dụng thiết bị làm nóng bằng điện hoặc hơi nước, ngọn lửa trần hoặc bình xịt xả đông để xả đông.
- Không sử dụng vật sắc nhọn để lấy đá.
- Nguy cơ bị đè bẹp: - Không giữ bản lề khi mở và đóng cửa. Ngón tay có thể bị kẹt.
- Các ký hiệu trên thiết bị:

Tổng quan về thiết bị



Biểu tượng này có thể nằm trên máy nén. Nó liên quan đến dầu trong máy nén và đề cập đến nguy cơ: Nuốt hoặc hít phải có thể gây tử vong. Lời khuyên này chỉ áp dụng cho việc tái chế. Không có nguy hiểm nào trong quá trình vận hành bình thường.



Biểu tượng này nằm trên máy nén và chỉ ra mối nguy hiểm của vật liệu dễ cháy. Không được bóc nhãn dán.



Nhãn dán này hoặc nhãn dán tương tự có thể được tìm thấy ở mặt sau của thiết bị. Nhãn dán này cho biết có tấm cách nhiệt chân không (VIP) hoặc tấm đá trân châu trong cửa và/hoặc vỏ thiết bị. Khuyến cáo này chỉ áp dụng cho việc tái chế. Không bóc nhãn dán.

Xin lưu ý các thông báo cảnh báo và lời khuyên cụ thể khác trong các chương khác:

	SỰ NGUY HIỂM	báo hiệu ngay lập tức một tình huống nguy hiểm có thể dẫn đến tử vong hoặc thương tích nghiêm trọng nếu không tránh được.
	CẢNH BÁO chỉ ra	tình huống nguy hiểm có thể dẫn đến tử vong hoặc thương tích nghiêm trọng nếu không tránh được.
	THẬN TRỌNG	chỉ ra tình huống nguy hiểm có thể dẫn đến thương tích nhẹ hoặc vừa phải nếu không tránh được.
	ĐỂ Ý	chỉ ra tình huống nguy hiểm có thể gây thiệt hại cho tài sản nếu không tránh được.
	Ghi chú	chỉ ra những hướng dẫn và mẹo hữu ích.

2 Tổng quan về thiết bị

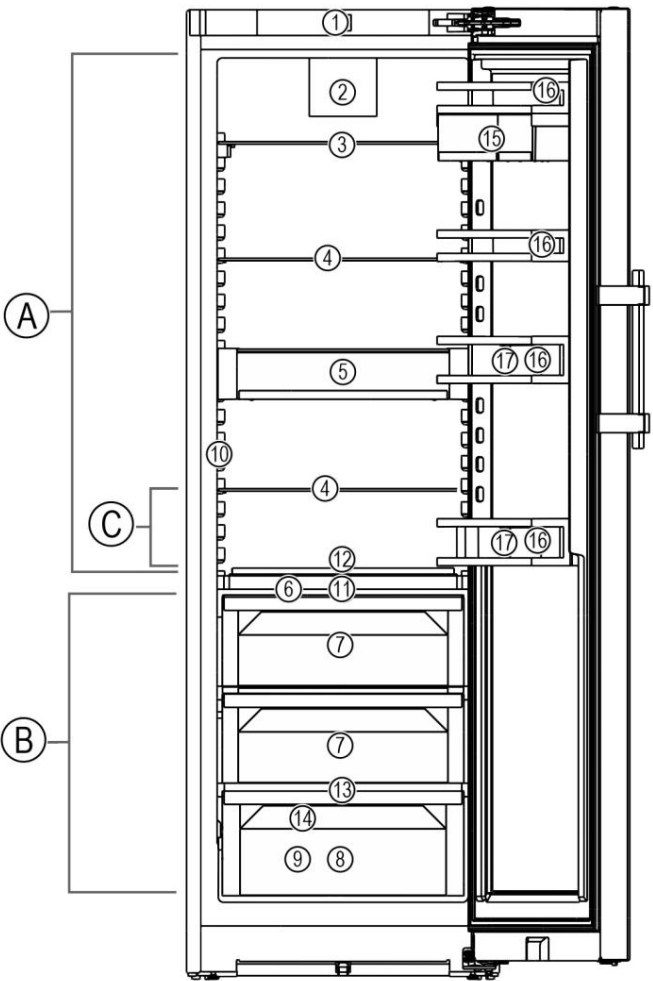
2.1 Phạm vi cung cấp

Kiểm tra tất cả các bộ phận xem có hư hỏng do vận chuyển không. Liên hệ với đại lý hoặc bộ phận chăm sóc khách hàng nếu có khiếu nại. (xem mục 10.4 Dịch vụ Khách hàng)

Thiết bị mới của bạn bao gồm các bộ phận sau:

- Thiết bị độc lập
- Tính năng (tùy theo model)
- Vật liệu lắp đặt (tùy theo model)
- “Hướng dẫn bắt đầu nhanh”
- “Hướng dẫn cài đặt”
- Tờ rơi dịch vụ

2.2 Tổng quan về thiết bị và dụng cụ



Hình 1. Ví dụ minh họa Phạm vi

hiệu năng (A) Ngăn lạnh

(C) Vùng lạnh nhất (B) BioFresh

Thiết bị

- | | |
|--|-------------------------------------|
| (1) Kiểm soát | (10) Mùa xuân vô cực* |
| (2) Quạt có bộ lọc than hoạt tính FreshAir | (11) HydroBreeze* |
| (3) Kệ lưu trữ có thể tách rời | (12) Kệ đựng chai có thể điều chỉnh |
| (4) Kệ lưu trữ | (13) Cửa xả nước |
| (5) VarioSafe | (14) Tấm loại |
| (6) Nắp ngăn chứa Trái cây & Rau quả an toàn | (15) VarioBox |
| (7) Trái cây & Rau củ an toàn | (16) Giá đỡ đồ trên cửa |
| (8) Thịt & Sữa an toàn | (17) Giá đựng chai |
| (9) An toàn cho cá và hải sản* | |

Ghi chú

Các kệ, ngăn kéo và giỏ đựng được sắp xếp để đạt hiệu quả năng lượng tối ưu khi thiết bị được giao đến.

Ví dụ, việc thay đổi cách lắp kệ vào ngăn tủ lạnh không ảnh hưởng gì đến mức tiêu thụ năng lượng.

2.3 Thiết bị thông minh

SmartDevice là giải pháp mạng cho tủ lạnh của bạn.

Nếu thiết bị của bạn hỗ trợ SmartDevice hoặc tương thích, bạn có thể kết nối thiết bị với WiFi một cách nhanh chóng và dễ dàng. Với ứng dụng SmartDevice, bạn có thể vận hành thiết bị của mình.

Chức năng của màn hình cảm ứng và vuốt

từ thiết bị di động. Các chức năng bổ sung và tùy chọn cài đặt có sẵn trong ứng dụng SmartDevice SmartDevice.

Thiết bị hỗ trợ SmartDevice: Thiết bị của bạn có khả năng trở thành một SmartDevice. Để có thể kết nối thiết bị với WiFi, bạn cần tải xuống ứng dụng SmartDevice.



Thông tin thêm về SmartDe- vice:

smartdevice.liebherr.com

Đang tải xuống Ứng dụng SmartDevice:



Sau khi cài đặt và cấu hình ứng dụng SmartDevice, bạn có thể kết nối thiết bị của mình với Wi-Fi (xem Wi-Fi) bằng ứng dụng SmartDevice và chức năng Wi-Fi của thiết bị.

Lưu ý Chức năng SmartDevice không khả dụng ở các quốc gia sau: Nga, Belarus, Kazakhstan.

2.4 Phạm vi sử dụng của thiết bị

Mục đích sử dụng

Thiết bị này chỉ phù hợp để làm mát thực phẩm trong môi trường gia đình hoặc tương tự như hộ gia đình. Ví dụ, điều này bao gồm: - trong bếp ăn của nhân viên, cơ sở lưu trú, - cho khách lưu trú tại nhà nghỉ, khách sạn, nhà nghỉ ven đường và các cơ sở lưu trú khác, - cho dịch vụ ăn uống và các dịch vụ tương tự trong ngành bán buôn.

Thiết bị này không thích hợp để đông lạnh thực phẩm; Thiết bị này không thích hợp để lắp âm tủ. Mọi hình thức sử dụng khác đều không được phép.

Việc sử dụng sai mục đích có thể lường trước được

Các ứng dụng sau đây bị nghiêm cấm: - Lưu trữ và làm lạnh thuốc, huyết tương, chế phẩm xét nghiệm hoặc các chất và sản phẩm tương tự dựa trên Chỉ thị về thiết bị y tế 2007/47/EC - Sử dụng ở những khu vực có nguy cơ nổ Việc sử dụng sai thiết bị có thể làm hỏng hàng hóa được lưu trữ hoặc hàng hóa có thể bị hỏng.

Phân loại khí hậu

Tùy thuộc vào phân loại khí hậu, thiết bị được thiết kế để hoạt động trong điều kiện nhiệt độ môi trường hạn chế. Phân loại khí hậu áp dụng cho thiết bị của bạn được in trên nhãn mác.

Lưu ý Duy trì nhiệt độ môi trường được chỉ định để đảm bảo thiết bị hoạt động bình thường.

Phân loại khí hậu	đối với nhiệt độ môi trường xung quanh
SN	10 °C đến 32 °C

Phân loại khí hậu	đối với nhiệt độ môi trường xung quanh
N	16 °C đến 32 °C
ST	16 °C đến 38 °C
T	16 °C đến 43 °C
SN-ST	10 °C đến 38 °C
SN-T	10 °C đến 43 °C

2.5 Sự phù hợp

Mạch làm lạnh đã được kiểm tra rò rỉ. Thiết bị tuân thủ các quy định an toàn hiện hành và các chỉ thị tương ứng.

Đối với cái ---- Thiết bị này tuân thủ chỉ thị 2014/53/EU.
với thị trường:
Đối với thị trường GB: Thiết bị này tuân thủ Quy định về thiết bị vô tuyến điện năm 2017 SI 2017 số 1206.

Toàn văn Tuyên bố về sự phù hợp của EU có sẵn trên trang web sau: www.liebherr.com Ngăn BioFresh đáp ứng các yêu cầu của ngăn bảo quản lạnh theo quy định tại DIN EN 62552:2020.

2.6 Các chất SVHC theo quy định REACH

Bạn có thể kiểm tra xem thiết bị của mình có chứa chất SVHC theo quy định của REACH hay không tại liên kết sau: home.liebherr.com/de/deu/de/liebherr-erleben/nach-haltigkeit/umwelt/scip/scip.html

2.7 Cơ sở dữ liệu EPREL

Thông tin chi tiết về các yêu cầu về dán nhãn năng lượng và thiết kế sinh thái sẽ có sẵn trên cơ sở dữ liệu sản phẩm châu Âu (EPREL) từ ngày 1 tháng 3 năm 2021. Bạn có thể truy cập cơ sở dữ liệu sản phẩm tại liên kết sau: <https://eprel.ec.europa.eu/> Bạn sẽ được yêu cầu nhập ID model. ID model có thể được tìm thấy trên nhãn sản phẩm.

2.8 Phụ tùng thay thế

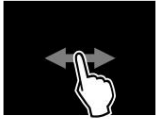
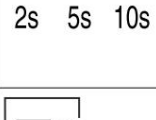
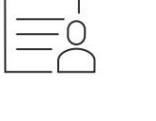
Thời gian cung cấp phụ tùng thay thế cho các bộ phận chức năng và các bộ phận có sẵn của thiết bị là 15 năm.

3 Chức năng của Màn hình cảm ứng và vuốt

Bạn vận hành thiết bị của mình bằng màn hình cảm ứng và vuốt. Bạn chọn các chức năng của thiết bị trên màn hình Chạm & Vuốt (sau đây gọi là màn hình) bằng cách chạm vào chúng. Nếu bạn không thực hiện bất kỳ thao tác nào trên màn hình trong 10 giây, màn hình sẽ nhảy trở lại menu cấp cao hơn hoặc trực tiếp đến màn hình trạng thái.

3.1 Điều hướng và giải thích ký hiệu Trong các hình minh họa, các ký hiệu khác nhau được sử dụng để điều hướng màn hình. Bảng sau đây mô tả các ký hiệu này.

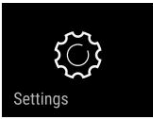
Chức năng của màn hình cảm ứng và vuốt

Biểu tượng	Mô tả Chạm
	nhanh vào màn hình: Kích hoạt/ hủy kích hoạt chức năng. Xác nhận lựa chọn. Mở menu phụ.
	Chạm vào màn hình trong thời gian chỉ định (ví dụ: 3 giây): Kích hoạt/hủy kích hoạt chức năng hoặc giá trị.
	Vuốt sang trái hoặc phải: Điều hướng trong menu.
	Chạm nhanh vào biểu tượng Quay lại: Quay lại một cấp menu.
	Nhấn và giữ biểu tượng Quay lại trong 3 giây: Quay lại màn hình hiển thị trạng thái.
	Mũi tên có đồng hồ: Phải mất hơn 10 giây để thông báo sau xuất hiện trên màn hình.
	Mũi tên chỉ thời gian: Phải mất một khoảng thời gian nhất định cho đến khi thông báo sau xuất hiện trên màn hình.
	Biểu tượng "Mở menu Cài đặt": Điều hướng đến menu Cài đặt và mở menu cài đặt. Nếu cần: Điều hướng đến chức năng mong muốn trong menu Cài đặt. (xem 3.2.1 Mở menu Cài đặt)
	Biểu tượng "Mở menu Nâng cao": Điều hướng đến menu Nâng cao và mở menu nâng cao. Nếu cần: Điều hướng đến chức năng mong muốn trong menu Nâng cao. (xem 3.2.2 Mở menu mở rộng)
Không có hành động nào trong 10 giây	Nếu bạn không thực hiện bất kỳ hành động nào trên màn hình trong 10 giây, màn hình sẽ nhảy trở lại menu cấp cao hơn hoặc trực tiếp đến màn hình trạng thái.
Mở cửa và đóng lại.	Nếu bạn mở cửa và đóng lại ngay lập tức, màn hình sẽ nhảy trực tiếp trở lại màn hình trạng thái.

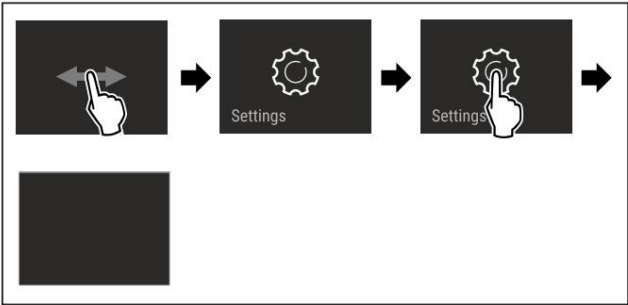
Lưu ý: Hình ảnh minh họa được hiển thị trong phiên bản tiếng Anh.

3.2 Thực đơn

Các chức năng của thiết bị được phân bổ trên nhiều menu khác nhau:

Thực đơn	Mô tả Khi bạn
Menu chính	bật thiết bị, bạn sẽ tự động vào menu chính. Từ đây, bạn có thể điều hướng đến các chức năng thiết bị quan trọng nhất, đến menu Cài đặt và đến Nâng cao thực đơn.
 Menu Cài đặt Menu	Menu Cài đặt chứa các chức năng bổ sung để thiết lập thiết bị của bạn.
Nâng cao Menu nâng cao	Menu nâng cao chứa các chức năng thiết bị đặc biệt để thiết lập thiết bị của bạn. Quyền truy cập vào menu Nâng cao được bảo vệ bằng mã số 1 5 1.

3.2.1 Mở menu Cài đặt

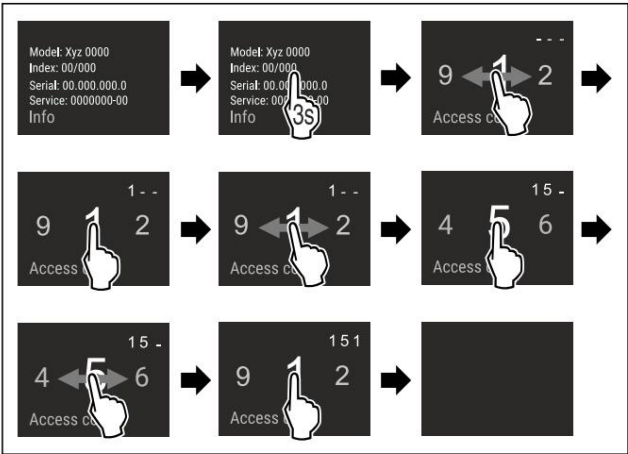


Hình 2 Ví dụ minh họa Thực hiện các bước hành động theo hình minh họa. Menu Cài đặt đang mở. Nếu cần: Điều hướng đến chức năng mong muốn.

3.2.2 Mở menu mở rộng



Hình 3



Hình 4. Ví dụ minh họa, truy cập bằng mã số 151 Thực hiện các bước hành động theo hình minh họa. Menu mở rộng sẽ mở ra. Nếu cần: Điều hướng đến chức năng mong muốn.

3.3 Chế độ ngủ

Nếu bạn không chạm vào màn hình trong 1 phút, màn hình sẽ chuyển sang chế độ ngủ. Ở chế độ ngủ, độ sáng màn hình sẽ mờ đi.

- 3.3.1 Kết thúc chế độ ngủ Chạm nhẹ ngón tay vào màn hình. Chế độ ngủ đã kết thúc.

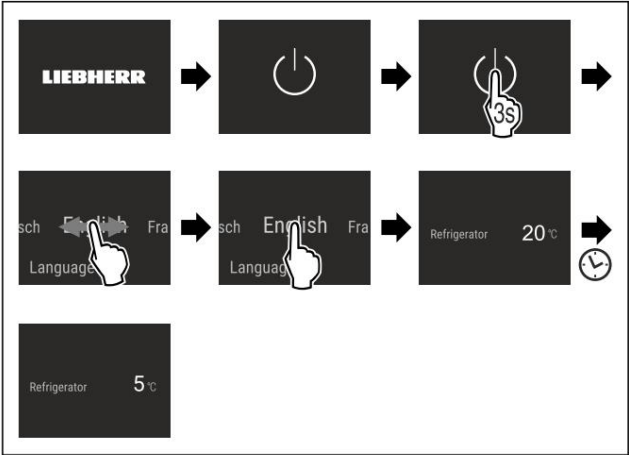
4 Đưa vào vận hành

4.1 Bật thiết bị (lần đầu sử dụng)

Đảm bảo đáp ứng các yêu cầu sau: Thiết bị đã được lắp đặt và kết nối theo hướng dẫn lắp đặt. Tất cả các dải keo, màng keo và màng bảo vệ cũng như khóa vận chuyển đều được tháo ra khỏi bên trong và trên thiết bị.

ance. Tất cả các tờ rơi tiếp thị đều được lấy ra khỏi ngăn kéo. Bạn đã quen thuộc với chức năng của màn hình cảm ứng và vuốt. (xem mục 3 Chức năng của màn hình cảm ứng và vuốt)

Bật thiết bị bằng màn hình Cảm ứng & Vuốt: Nếu màn hình đang ở chế độ ngủ: Chạm nhẹ vào màn hình. Thực hiện các bước hành động theo hình minh họa.



Hình 5. Ví dụ minh họa
Màn hình hiển thị trạng thái xuất hiện. Thiết bị nguội đến nhiệt độ được cài đặt tại nhà máy. Thiết bị khởi động ở chế độ demo (màn hình hiển thị trạng thái với DEMO xuất hiện): Nếu thiết bị khởi động ở chế độ demo, bạn có thể tắt chế độ demo trong vòng 5 phút tiếp theo. (xem Chế độ demo)

Thông tin thêm:

- Khởi động InfinitySpring lần đầu tiên. (xem 4.2 Đặt InfinitySpring đi vào hoạt động*) *
- Khởi động HydroBreeze lần đầu tiên. (xem 4.3 Khởi động HydroBreeze lần đầu tiên*) *
- Khởi động SmartDevice lần đầu tiên. (xem 2.3 Smart-Thiết bị) và (xem WiFi)

Lưu ý : Nhà sản xuất khuyến cáo: Dự trữ thực phẩm: Đợi khoảng 6 giờ cho đến khi đạt đến nhiệt độ cài đặt. Tuân thủ các lưu ý về bảo quản thực phẩm. (xem 5.1 Thông tin về bảo quản)

* Tùy thuộc vào mẫu mã và tùy chọn

Lưu ý:
Bạn có thể mua phụ kiện từ cửa hàng Liebherr-Hausgeräte tại home.liebherr.com/shop/de/deu/zubehor.html.

4.2 Đưa InfinitySpring vào hoạt động*

Nếu thiết bị của bạn được trang bị InfinitySpring, trước lần sử dụng đầu tiên, bạn phải xả hết nước trong hệ thống InfinitySpring và vệ sinh InfinitySpring.

Đảm bảo đáp ứng các yêu cầu sau: Nguồn cấp nước đã được kết nối. Xem Hướng dẫn Lắp đặt hoặc hướng dẫn lắp đặt. Bình chứa nước đã được lắp đặt. Xem Hướng dẫn Lắp đặt hoặc hướng dẫn lắp đặt. Bộ lọc nước đã được lắp đặt. Xem Hướng dẫn Lắp đặt hoặc hướng dẫn lắp đặt.* Thiết bị đã được kết nối đúng cách.

4.2.1 Xả nước trong hệ thống Mở cửa thiết bị.

Đẩy một chiếc cốc vào phần dưới của InfinitySpring máy phân phối. Phần trên di chuyển ra ngoài và không khí thoát ra hoặc nước chảy vào ly. Tiếp tục cho đến khi nước chảy đều vào ly. Hệ thống nước hiện đã được xả hết.

4.2.2 Vệ sinh InfinitySpring

(xem 9.8.5 Vệ sinh InfinitySpring *)

4.3 Khởi động HydroBreeze lần đầu tiên*

Nếu thiết bị của bạn được trang bị HydroBreeze, bạn phải vệ sinh HydroBreeze trước khi sử dụng lần đầu tiên.

Đảm bảo đáp ứng các yêu cầu sau: Thiết bị được kết nối đúng cách. Vệ sinh HydroBreeze. (xem 9.8.6 Vệ sinh Hydro-Gió nhẹ*) Đổ đầy nước vào bình chứa. (xem 8.9.1 Đổ đầy nước vào bình chứa) Kích hoạt HydroBreeze. (xem HydroBreeze*)

5 Lưu trữ

5.1 Thông tin về lưu trữ

CẢNH BÁO Nguy cơ cháy nổ từ các thiết bị điện! Nếu bạn sử dụng các thiết bị điện trong khu vực thực phẩm của thiết bị, chúng có thể gây ra hỏa hoạn. Không sử dụng các thiết bị điện trong khu vực thực phẩm của thiết bị trừ khi có khuyến cáo của nhà sản xuất.

Ghi chú
Mức tiêu thụ năng lượng tăng lên và công suất làm mát giảm xuống nếu thông gió không đủ. Luôn giữ cho các khe hở không khí thông thoáng.

Tuân thủ các thông số kỹ thuật sau đây khi bảo quản: - Giữ cho lỗ thông gió trên quạt luôn thông thoáng.
- Đóng gói hoặc che đậy những thực phẩm dễ bắt mùi hoặc phát ra mùi vị trong hộp kín.

Kho

- Đóng gói thịt hoặc cá sống trong hộp đựng sạch, kín.
Điều này sẽ ngăn thịt hoặc cá chạm vào hoặc nhỏ giọt vào thức ăn khác.
- Đựng chất lỏng trong hộp kín.
- Chừa khoảng cách giữa các hàng hóa để đảm bảo không khí lưu thông tốt.
sự kiện.
- Bảo quản thực phẩm theo hướng dẫn trên bao bì
lão hóa.
- Luôn tuân thủ hạn sử dụng tốt nhất được ghi trên bao bì
bao bì.

Lưu ý:
Không tuân theo các hướng dẫn này có thể khiến thực phẩm bị hỏng.

5.2 Ngăn lạnh

Sự lưu thông không khí trong thiết bị tạo ra các vùng nhiệt độ khác nhau. Bạn sẽ tìm thấy các vùng nhiệt độ khác nhau trong phần tổng quan về thiết bị và thiết bị. (xem 2.2 Tổng quan về thiết bị và thiết bị)

5.2.1 Sắp xếp thức ăn đúng cách

Khu vực phía trên và cửa: Bảo quản bơ, phô mai, đồ hộp và ống.
Vùng nhiệt độ lạnh nhất: Bảo quản thực phẩm dễ hỏng như như những bữa ăn được nấu chín trước.

5.3 BioFresh

BioFresh sẽ kéo dài thời gian bảo quản một số loại thực phẩm tươi sống so với phương pháp làm lạnh truyền thống.

Lưu ý
Nếu nhiệt độ xuống dưới 0 °C, thực phẩm có thể bị đông lạnh. Bảo quản các sản phẩm nhạy cảm với lạnh như dưa chuột, cà tím, bí xanh và trái cây nhiệt đới trong ngăn mát tủ lạnh.

5.3.1 An toàn cho Trái cây & Rau củ: Tủ



này tạo ra môi trường bảo quản gần 0 °C. Nắp ngăn đảm bảo độ ẩm ổn định. Môi trường bảo quản này phù hợp để bảo quản thực phẩm chưa đóng gói có độ ẩm cao (ví dụ: rau diếp, rau củ, trái cây).

Độ ẩm trong ngăn phụ thuộc vào độ ẩm của hàng hóa được làm lạnh bên trong và tần suất mở ngăn. Bạn có thể điều chỉnh độ ẩm.

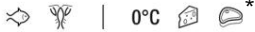
Sắp xếp thực phẩm đúng cách Bảo
quản trái cây và rau quả không đóng gói.
Nếu độ ẩm quá cao:
Điều chỉnh độ ẩm.

5.3.2 An toàn cho Thịt và Sữa. Tủ



này tạo ra nhiệt độ bảo quản gần 0 °C. Nhiệt độ này phù hợp cho các loại thực phẩm nhạy cảm hơn (ví dụ: các sản phẩm từ sữa, thịt, cá, xúc xích).* Tủ này tạo ra nhiệt độ bảo quản gần 0 °C. Nhiệt độ này phù hợp cho các loại thực phẩm nhạy cảm hơn (ví dụ: các sản phẩm từ sữa, thịt, xúc xích).* Sắp xếp thực phẩm đúng cách Bảo quản thực phẩm khô hoặc đóng gói.

5.3.3 An toàn cho cá và hải sản-2°C

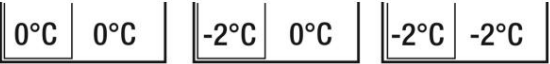


Tủ này tạo ra nhiệt độ bảo quản từ -2 °C đến 0 °C. Nhiệt độ bảo quản này rất lý tưởng cho các loại thực phẩm khô hoặc đóng gói (ví dụ: các sản phẩm từ sữa, thịt, cá, hải sản, xúc xích).

Ngăn này bao gồm một khay đựng Cá & Hải sản mà bạn có thể di chuyển hoặc mang đi.

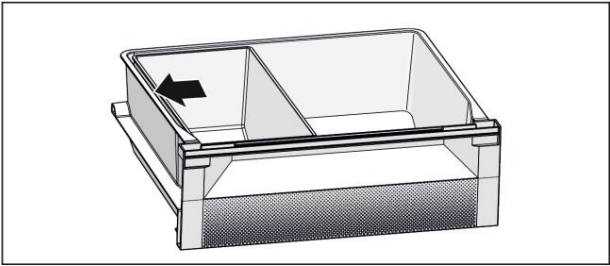
Bạn có thể cài đặt nhiệt độ thông qua màn hình cảm ứng và vuốt. Chỉ có thể chia ngăn thành các vùng nhiệt độ khác nhau khi lắp khay Cá & Hải sản vào. (xem phần Cài đặt nhiệt độ trong tủ lạnh)

Có thể có các tổ hợp nhiệt độ sau:



Hình 6

Sắp xếp thức ăn đúng cách



Hình 7

Để có chức năng làm mát tối ưu: Đặt Cá & Hải sản khay theo hình minh họa (xem Hình 7). Vùng nhiệt độ -2 °C: Bảo quản hải sản hoặc cá tươi sống. Vùng nhiệt độ 0 °C: Bảo quản các sản phẩm từ sữa hoặc đóng gói thịt.

Ghi chú

Bạn có thể đạt được mức hiệu quả năng lượng cao nhất khi sử dụng tổ hợp nhiệt độ 0 °C / 0 °C.

Mức tiêu thụ năng lượng cao hơn một chút khi sử dụng kết hợp nhiệt độ -2 °C / 0 °C và -2 °C / -2 °C.

5.4 Thời gian lưu trữ

Tham khảo thời gian lưu trữ được chỉ định để biết hướng dẫn.

Đối với thực phẩm có thời hạn sử dụng tối thiểu, ngày ghi trên bao bì vẫn được áp dụng.

5.4.1 Ngăn lạnh Luôn tuân thủ

hạn sử dụng tốt nhất được ghi trên bao bì.

5.4.2 BioFresh

Thời gian bảo quản được khuyến nghị trong Thịt & Sữa-An toàn		
Bơ	ở 1 °C	lên đến 90 ngày
Phô mai cứng	ở 1 °C	lên đến 110 ngày
Sữa	ở 1 °C	lên đến 12 ngày
Xúc xích, thịt nguội ở 1 °C		lên đến 8 ngày
Gia cầm	ở 1 °C	lên đến 6
Thịt lợn	ở 1 °C	ngày lên đến
Thịt bò	ở 1 °C	6 ngày lên
Trò chơi	ở 1 °C	đến 6 ngày

Ghi chú

Hãy nhớ rằng thực phẩm giàu protein sẽ nhanh hỏng hơn; vỏ cá và động vật giáp xác không tồn tại lâu bằng cá, và cá không để được lâu như thịt.

Thời gian bảo quản được khuyến nghị trong Trái cây & Rau quả- An toàn		
Rau, salad		
Atisô	ở 1 °C	lên đến 14 ngày
Cần tây	ở 1 °C	lên đến 28 ngày
Súp lơ	ở 1 °C	lên đến 21 ngày
bông cải xanh	ở 1 °C	lên đến 13 ngày
Rau diếp xoăn	ở 1 °C	lên đến 27 ngày
Rau xà lách	ở 1 °C	lên đến 19 ngày
Đậu Hà Lan	ở 1 °C	lên đến 14 ngày
Khắc	ở 1 °C	lên đến 14 ngày
Cà rốt	ở 1 °C	lên đến 80 ngày
Tỏi	ở 1 °C	lên đến 160 ngày
Củ cải	ở 1 °C	lên đến 14 ngày
Rau xà lách	ở 1 °C	lên đến 13 ngày
Các loại thảo mộc	ở 1 °C	lên đến 13 ngày
Tỏi tây	ở 1 °C	lên đến 29 ngày
Nấm	ở 1 °C	lên đến 7 ngày
Củ cải	ở 1 °C	lên đến 10 ngày
Cải Brussels	ở 1 °C	lên đến 20 ngày
Măng tây	ở 1 °C	lên đến 18 ngày
Rau chân vịt	ở 1 °C	lên đến 13 ngày
Savoy	ở 1 °C	lên đến 20 ngày
Hoa quả		
Quả mơ	ở 1 °C	lên đến 13 ngày
Táo	ở 1 °C	lên đến 80 ngày
Lê	ở 1 °C	lên đến 55 ngày
Quả mâm xôi	ở 1 °C	lên đến 3 ngày
Ngài trắng	ở 1 °C	lên đến 180 ngày
Dâu tây	ở 1 °C	lên đến 7 ngày
Quả sung	ở 1 °C	lên đến 7 ngày
Quả việt quất	ở 1 °C	lên đến 9 ngày
Quả mâm xôi	ở 1 °C	lên đến 3 ngày
nhò khô	ở 1 °C	lên đến 7 ngày
Anh đào ngọt	ở 1 °C	lên đến 14 ngày
Kiwi	ở 1 °C	lên đến 80 ngày
Quả đào	ở 1 °C	lên đến 13 ngày
Mận	ở 1 °C	lên đến 20 ngày
Quả nam việt quất	ở 1 °C	lên đến 60 ngày
Đại hoàng	ở 1 °C	lên đến 13 ngày
Quả lý gai	ở 1 °C	lên đến 13 ngày
Quả nho	ở 1 °C	lên đến 29 ngày

Thời gian bảo quản được khuyến nghị trong Cá & Hải sản- An toàn*		
Hải sản		
Cua	ở -2 °C	lên đến 4 ngày
Trai	ở -2 °C	lên đến 6 ngày
Sushi	ở -2 °C	lên đến 4 ngày
Cá	ở -2 °C	lên đến 4 ngày

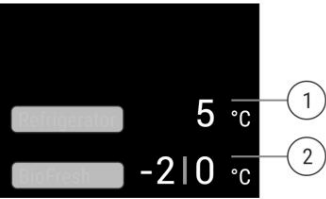
6 Tiết kiệm năng lượng

- Chú ý thông gió tốt. Không che lỗ thông gió. lỗ hoặc lưới.
- Luôn giữ cho khe gió của quạt thông thoáng.
- Không đặt thiết bị dưới ánh nắng trực tiếp hoặc gần bức xạ. lò sưởi hoặc các nguồn nhiệt tương tự.
- Nếu thiết bị được đặt ngay cạnh lò nướng, mức tiêu thụ năng lượng có thể tăng nhẹ. Đây là phụ thuộc vào tuổi thọ và cường độ sử dụng của lò vi sóng.
- Mức tiêu thụ năng lượng phụ thuộc vào điều kiện lắp đặt các yếu tố, ví dụ nhiệt độ môi trường xung quanh (xem 2.4 Thiết bị phạm vi sử dụng). Nhiệt độ môi trường ấm hơn có thể tăng mức tiêu thụ năng lượng.
- Mở thiết bị trong thời gian ngắn nhất có thể.
- Nhiệt độ càng thấp thì năng lượng càng cao sự tiêu thụ.
- Phân loại thực phẩm: home.liebherr.com/food.
- Đóng gói và đậy kín tất cả thực phẩm. Điều này ngăn ngừa sự hư hỏng hình thành.
- Chỉ lấy thức ăn ra trong thời gian cần thiết để đảm bảo không ấm lên nhiều.
- Cho thức ăn ấm vào: để nguội đến nhiệt độ phòng. thiên nhiên đầu tiên.
- Đối với thời gian vắng mặt dài hơn, hãy sử dụng HolidayMode (xem HolidayMode).

7 Điều khiển

7.1 Điều khiển và hiển thị

7.1.1 Hiển thị trạng thái



Hình 8 Màn hình trạng thái hiển thị nhiệt độ thực tế.*
(1) Hiển thị nhiệt độ của phần tủ lạnh (2) Hiển thị nhiệt độBio-Tươi (Cá & Hải sản)
An toàn)



Hình 9 Màn hình trạng thái hiển thị nhiệt độ thực tế.*
(1) Hiển thị nhiệt độ của phần tủ lạnh (2) Hiển thị nhiệt độ BioFresh

* Tùy thuộc vào mẫu mã và tùy chọn

Kiểm soát

Màn hình trạng thái hiển thị nhiệt độ thực tế và là màn hình hiển thị ban đầu. Việc điều hướng đến các chức năng sẽ diễn ra từ đó.

7.1.2 Hiển thị ký hiệu

Biểu tượng hiển thị cung cấp thông tin về trạng thái thiết bị hiện tại:

Biểu tượng	Trạng thái thiết bị
	Chế độ chờ Thiết bị hoặc vùng nhiệt độ đã tắt.
	Số nhấp nháy Thiết bị đang hoạt động. Nhiệt độ nhấp nháy cho đến khi đạt đến nhiệt độ cài đặt.
	
	Biểu tượng nhấp nháy
	Thiết bị đang hoạt động. Cài đặt đã được thực hiện.

7.2 Chức năng của thiết bị

7.2.1 Ghi chú về chức năng của thiết bị

Các chức năng của thiết bị được thiết lập tại nhà máy để thiết bị của bạn hoạt động đầy đủ chức năng.

Trước khi thay đổi, kích hoạt hoặc hủy kích hoạt các chức năng của thiết bị, hãy đảm bảo đáp ứng các yêu cầu sau: Bạn đã đọc và hiểu mô tả về cách thức hoạt động của màn hình. (xem 3 Chức năng của màn hình cảm ứng và vuốt) Bạn đã làm quen với các bộ phận vận hành và hiển thị của thiết bị.

 Tắt và bật thiết bị

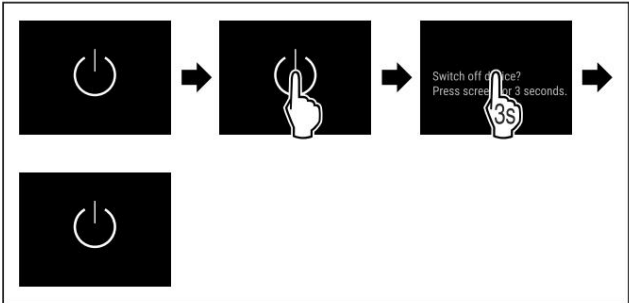
Sử dụng chức năng này để tắt và bật toàn bộ thiết bị.

Tắt thiết bị Khi bạn tắt thiết bị, các cài đặt đã lưu trước đó sẽ được lưu lại.

Đảm bảo rằng các yêu cầu sau được đáp ứng: Hướng dẫn xử lý (xem 11 Tắt máy) được thực hiện ngoài.



Hình 10

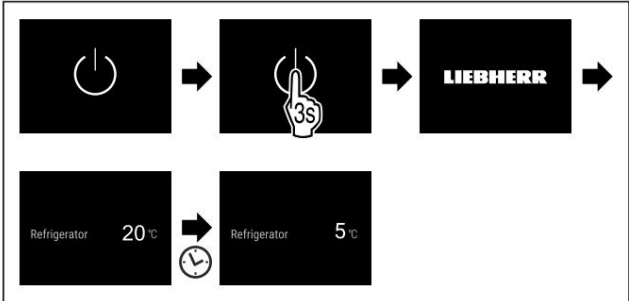


Hình 11

Thực hiện các bước hành động theo hình minh họa. Thiết bị đã tắt. Biểu tượng chờ xuất hiện trên màn hình. Màn hình chuyển sang màu đen.

Bật thiết bị

Nếu màn hình đang ở chế độ ngủ: Chạm nhẹ vào màn hình.



Hình 12. Ví dụ minh họa

Thực hiện các bước hành động theo hình minh họa.

Khi thiết bị bắt đầu ở chế độ demo: Tắt chế độ demo. (xem Tắt chế độ demo) Thiết bị được bật. Cài đặt trước đó được khôi phục. Thiết bị nguội đến nhiệt độ mục tiêu đã đặt.

 WiFi

Sử dụng chức năng này để kết nối thiết bị của bạn với WiFi. Sau đó, bạn có thể vận hành thiết bị thông qua ứng dụng SmartDevice trên thiết bị di động. Bạn cũng có thể sử dụng chức năng này để ngắt kết nối hoặc thiết lập lại kết nối WiFi.

Thông tin thêm về SmartDevice: (xem 2.3 SmartDevice)

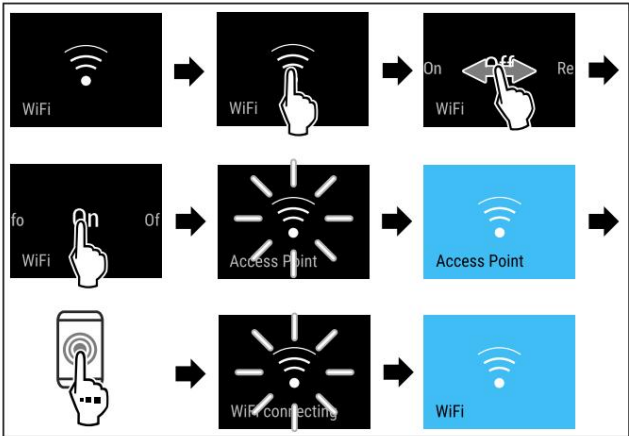
Ghi chú

Chức năng SmartDevice không khả dụng ở các quốc gia sau: Nga, Belarus, Kazakhstan.

Thiết lập kết nối WiFi lần đầu tiên Đảm bảo đáp ứng các yêu cầu sau: Bạn đã cài đặt ứng dụng SmartDevice (xem apps.home.liebherr.com). Đăng ký trên ứng dụng SmartDevice đã hoàn tất.



Hình 13



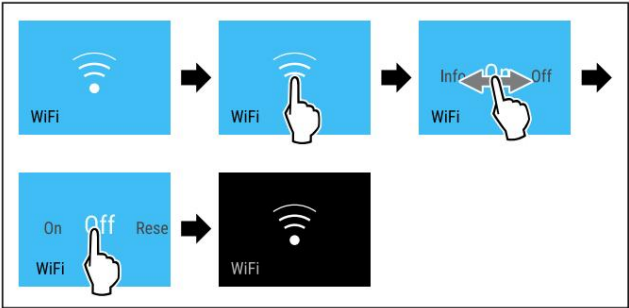
Hình 14

Thực hiện các bước hành động theo hình minh họa. Kết nối đã được thiết lập.

Ngắt kết nối khỏi WiFi



Hình 15



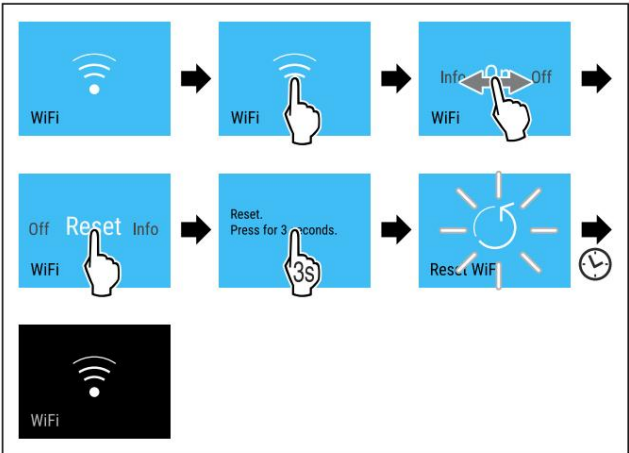
Hình 16

Thực hiện các bước hành động theo hình minh họa. Không có kết nối.

Đặt lại kết nối WiFi



Hình 17



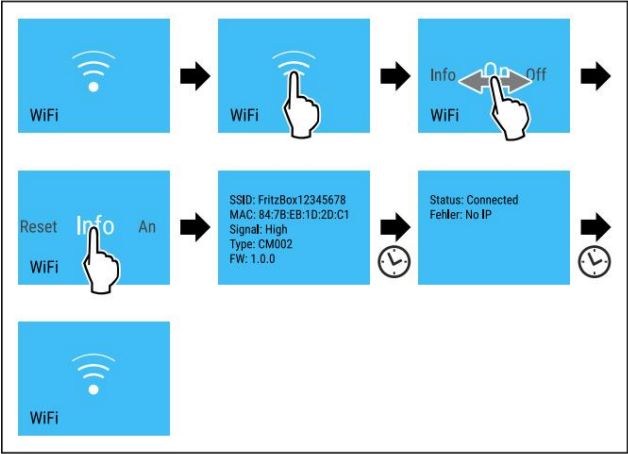
Hình 18

Thực hiện các bước hành động theo hình minh họa. Kết nối WiFi và các cài đặt WiFi khác được khôi phục về cài đặt gốc.

Hiển thị thông tin về kết nối WiFi



Hình 19



Hình 20

Thực hiện các bước hành động theo hình minh họa.

5 °C Nhiệt độ

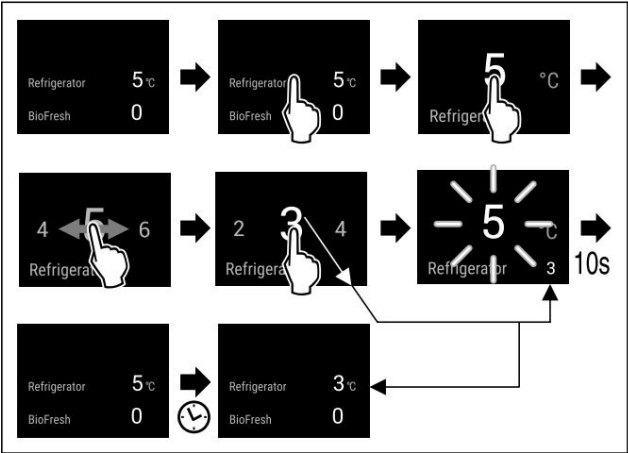
Sử dụng chức năng này để cài đặt nhiệt độ.

Nhiệt độ phụ thuộc vào các yếu tố sau:

- Tần suất mở cửa
- Thời gian mở cửa
- Nhiệt độ phòng nơi lắp đặt
- Loại, nhiệt độ và số lượng thực phẩm

Vùng nhiệt độ	Nhiệt độ cài đặt tại nhà máy	Cài đặt được đề xuất
5 °C Phản tử lạnh	5 °C	4 °C
0 °C BioFresh*  An toàn cho trái cây và rau quả*  An toàn với thịt và sữa*	0 °C	Giá trị B (xem BioFresh B- Giá trị)
-210 °C Cá & Hải sản- an toàn*	-2 °C 0 °C*	(xem 5.3.3 An toàn cho cá và hải sản *) *

Cài đặt nhiệt độ trong ngăn tủ lạnh



Hình 21. Ví dụ minh họa

Thực hiện các bước hành động theo hình minh họa.

* Tùy thuộc vào mẫu mã và tùy chọn

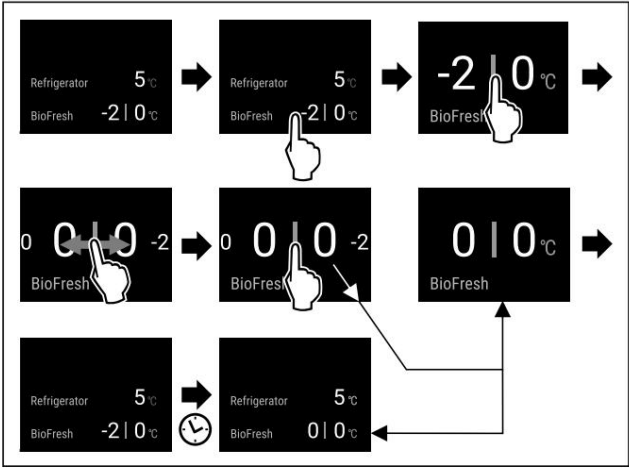
Kiểm soát

Nhiệt độ đã được cài đặt.

Cài đặt nhiệt độ trong BioFresh Cài đặt

nhiệt độ bằng cách sử dụng Giá trị B của BioFresh. (xem Giá trị B của BioFresh)

Cài đặt nhiệt độ trong tủ an toàn cho Cá & Hải sản*



Hình 22. Ví dụ minh họa

Thực hiện các bước hành động theo hình minh họa.

Nhiệt độ đã được cài đặt.

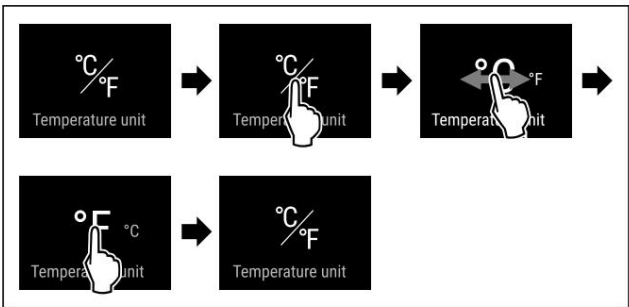
Đơn vị nhiệt độ

Sử dụng chức năng này để cài đặt đơn vị nhiệt độ. Bạn có thể cài đặt độ C hoặc độ F làm đơn vị nhiệt độ.

Cài đặt đơn vị nhiệt độ



Hình 23



Hình 25 Ví dụ minh họa: Chuyển từ độ C sang độ F. Thực

hiện các bước hành động

theo hình minh họa. Đơn vị nhiệt độ đã được thiết lập.

B5 Giá trị B của BioFresh

Sử dụng chức năng này để thiết lập Giá trị B của BioFresh. Với Giá trị B của BioFresh, bạn có thể thiết lập BioFresh ấm hơn hoặc lạnh hơn một chút nếu cần do nhiệt độ môi trường cao hơn hoặc thấp hơn. Giá trị B của BioFresh được đặt sẵn ở giá trị B5 khi giao hàng. Nếu bạn thay đổi Giá trị B, hãy tham khảo bảng sau:

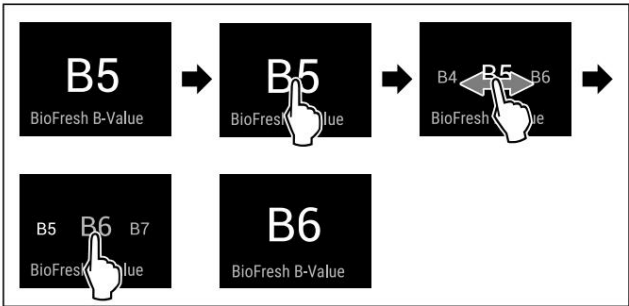
Mô tả	Giá trị
B1	Nhiệt độ thấp nhất

Giá trị	Mô tả B1-B4
Nhiệt độ	có thể xuống dưới 0 °C, nghĩa là thực phẩm có thể dễ bị đông lạnh.
B5	Nhiệt độ cài đặt trước
B9	Nhiệt độ cao nhất

Thiết lập giá trị B của BioFresh



Hình 26



Hình 28. Ví dụ minh họa: Chuyển từ B5 sang B6. Thực

hiện các bước hành động theo hình minh họa. Giá trị BioFresh B đã được thiết lập. Màn hình trạng thái hiển thị nhiệt độ mục tiêu.*

D1 Giá trị D

Giá trị D được cài đặt sẵn cho thiết bị của bạn và không được phép thay đổi.

Siêu mát

Bạn có thể sử dụng chức năng này để kích hoạt hoặc hủy kích hoạt Super-Cool. Nếu Super-Cool được kích hoạt, thiết bị sẽ tăng công suất làm mát. Chức năng này cho phép bạn đạt được nhiệt độ làm mát thấp hơn. Bạn có thể kích hoạt Super-Cool khi muốn làm mát nhanh một lượng lớn thực phẩm.

Nếu chức năng này được kích hoạt, thiết bị sẽ hoạt động ở công suất cao hơn. Do đó, tiếng ồn khi vận hành của thiết bị có thể tạm thời lớn hơn và mức tiêu thụ điện năng sẽ tăng lên.

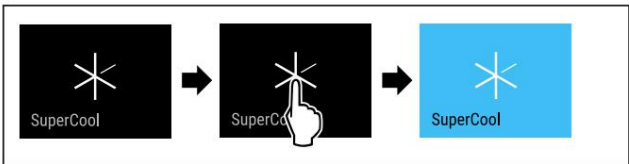
Kích hoạt SuperCool

Thời gian kích hoạt chức năng:

- Khi bạn muốn bảo quản thực phẩm tươi sống trong ngăn mát: Kích hoạt chức năng này khi cho thực phẩm vào.



Hình 29



Hình 30

Thực hiện các bước hành động theo hình minh họa.

-hoặc-

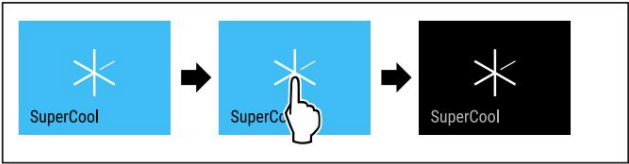
Kích hoạt bằng ứng dụng SmartDevice.

SuperCool được kích hoạt.
Màn hình hiển thị nhiệt độ chuyển sang màu xanh lam.

Tắt SuperCool SuperCool sẽ
tự động tắt sau 18 giờ.
Tuy nhiên, bạn cũng có thể tắt SuperCool theo cách thủ công bất cứ lúc nào:



Hình 31



Hình 32

Thực hiện các bước hành động theo hình minh họa.

-hoặc-

Vô hiệu hóa bằng ứng dụng SmartDevice.

SuperCool bị vô hiệu hóa. Thiết
bị tiếp tục hoạt động ở chế độ bình thường. Thiết bị sẽ
nguội đến nhiệt độ đã cài đặt trước đó.

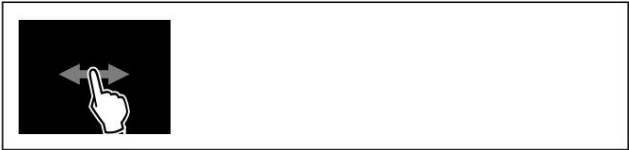


Chế độ nghỉ lễ

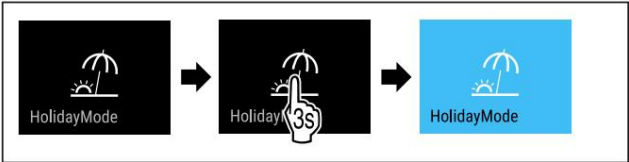
Bạn có thể sử dụng chức năng này để kích hoạt hoặc hủy kích hoạt Chế độ Ngày lễ. Nếu bạn kích hoạt Chế độ Ngày lễ, ngăn lạnh sẽ được đặt ở 15 °C. Điều này giúp bạn tiết kiệm năng lượng khi vắng nhà lâu hơn và ngăn ngừa mùi hôi cũng như nấm mốc phát triển.

Trạng thái thiết bị khi HolidayMode đang hoạt động
Ngăn lạnh có thể làm mát đến 15 °C.
BioFresh làm mát đến 15 °C.
SuperCool đã bị vô hiệu hóa.

Kích hoạt HolidayMode Làm
trống hoàn toàn ngăn tủ lạnh. Làm trống hoàn
toàn BioFresh.



Hình 33



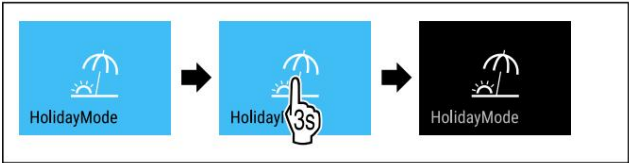
Hình 34

Thực hiện các bước hành động theo hình minh họa. Chế độ
HolidayMode được kích hoạt. Màn
hình nhiệt độ chuyển sang màu xanh lam và hiển thị HolidayMode
biểu tượng.

Tắt chế độ HolidayMode



Hình 35



Hình 36

Thực hiện các bước hành động theo hình minh họa. Chế độ
HolidayMode bị vô hiệu hóa. Thiết
bị sẽ nguội đến nhiệt độ đã cài đặt trước đó.



Chế độ ngày Sa-bát

Bạn có thể sử dụng chức năng này để kích hoạt hoặc hủy kích hoạt Chế độ Sabbath. Khi bạn kích hoạt chức năng này, một số chức năng điện tử sẽ bị tắt. Nhờ đó, thiết bị của bạn đáp ứng các yêu cầu tôn giáo cho các ngày lễ Do Thái như Sabbath và tuân thủ chứng nhận STAR-K Kosher.

Trạng thái thiết bị khi SabbathMode đang hoạt động
Màn hình trạng thái luôn hiển thị chế độ SabbathMode.
Tất cả các chức năng trên màn hình đều bị khóa ngoại trừ chức năng Deactivate SabbathMode.
Các chức năng đang hoạt động vẫn đang hoạt động.
Màn hình vẫn sáng khi bạn đóng cửa.
Hệ thống chiếu sáng bên trong đã bị tắt.
Lời nhắc không được thực hiện. Khoảng thời gian đã đặt sẽ dừng lại.
Không hiển thị lời nhắc và cảnh báo.
Không có chuông báo động cửa.
Không có báo động nhiệt độ.
InfinitySpring đã tắt.* Chu trình rửa đông
chỉ hoạt động trong thời gian đã chỉ định mà không tính đến mức tiêu thụ của thiết bị.
Sau khi mất điện, thiết bị sẽ trở về chế độ SabbathMode.

Trạng thái thiết bị

Lưu ý

Thiết bị này có chứng nhận từ "Viện Khoa học và Halacha". (www.machonhalacha.co.il)

Bạn có thể tìm danh sách các thiết bị được chứng nhận STAR-K tại www.star-k.org/appliances.

Kiểm soát

Kích hoạt chế độ Sabbath



CẢNH BÁO Nguy

cơ ngộ độc thực phẩm từ thực phẩm hư hỏng!

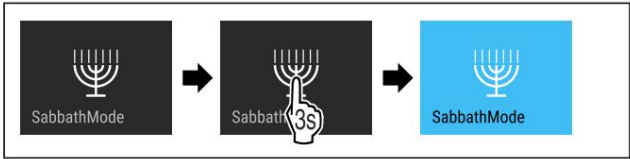
Nếu bạn đã bật chế độ SabbathMode và xảy ra mất điện, sẽ không có thông báo nào hiển thị trên màn hình trạng thái về sự cố mất điện. Sau khi có điện trở lại, thiết bị sẽ tiếp tục hoạt động ở chế độ SabbathMode. Việc mất điện có thể khiến thực phẩm bị hỏng và việc tiêu thụ thực phẩm này có thể dẫn đến ngộ độc thực phẩm.

Sau khi mất điện:

Không sử dụng thực phẩm đã đông lạnh và rã đông ngoài .



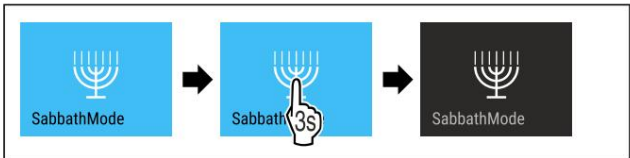
Hình 37



Hình 38

Thực hiện các bước hành động theo hình minh họa. Chế độ Sabbath được kích hoạt. Màn hình trạng thái hiển thị SabbathMode vĩnh viễn.

Tắt SabbathMode: Chế độ SabbathMode sẽ tự động tắt sau 80 giờ. Tuy nhiên, bạn cũng có thể tắt SabbathMode theo cách thủ công bất cứ lúc nào:



Hình 39

Thực hiện các bước hành động theo hình minh họa. Chế độ Sabbath đã bị vô hiệu hóa.



Tiết kiệm năng lượng

(EnergySaver) Bạn có thể sử dụng chức năng này để kích hoạt hoặc hủy kích hoạt chế độ Tiết kiệm năng lượng. Nếu chế độ tiết kiệm năng lượng được kích hoạt, mức tiêu thụ năng lượng sẽ giảm và nhiệt độ bên trong thiết bị sẽ tăng. Thực phẩm vẫn tươi ngon, nhưng thời hạn sử dụng sẽ bị rút ngắn.

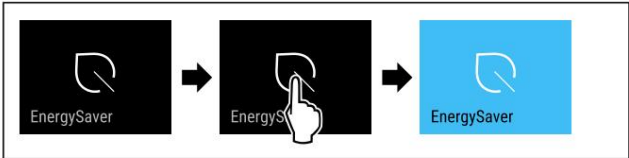
Vùng nhiệt độ Cài đặt	được khuyến nghị (xem phần Cài đặt nhiệt độ trong tủ lạnh)	Nhiệt độ với hoạt động Tiết kiệm năng lượng
5 °C phần Tủ lạnh	4 °C	7 °C

Nhiệt độ

Kích hoạt EnergySaver



Hình 40



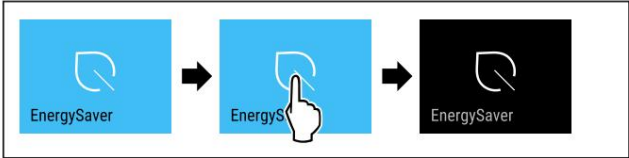
Hình 41

Thực hiện các bước hành động theo hình minh họa. Chế độ tiết kiệm năng lượng được kích hoạt.

Tắt EnergySaver



Hình 42



Hình 43

Thực hiện các bước hành động theo hình minh họa. Chế độ tiết kiệm năng lượng đã bị vô hiệu hóa.



HydroBreeze*

Bạn có thể sử dụng chức năng này để kích hoạt hoặc hủy kích hoạt Hydro-Breeze. Khi kích hoạt, HydroBreeze sẽ tạo ra luồng sương mát mịn trong tủ lạnh BioFresh-safe. Điều này giúp kéo dài thời hạn sử dụng của salad, rau củ và trái cây chưa đóng gói với độ ẩm cao.

Nếu bạn kích hoạt chức năng này, HydroBreeze sẽ tự động kích hoạt sau mỗi 90 phút, mỗi lần 4 giây khi cửa đóng. Khi bạn mở cửa, HydroBreeze sẽ tự động kích hoạt theo cài đặt sau:

Giá trị	Mô tả
1	HydroBreeze hoạt động trong 4 giây khi cửa mở.
2	HydroBreeze hoạt động trong 6 giây khi cửa mở.
3	HydroBreeze hoạt động trong 8 giây khi cửa mở.
Đã hủy kích hoạt (cài đặt trước)	HydroBreeze đã bị vô hiệu hóa.

Thời lượng HydroBreeze khi cửa mở

Kích hoạt HydroBreeze

Lưu ý:

Nếu bạn kích hoạt HydroBreeze nhưng không có thức ăn trong ngăn kéo, hơi nước sẽ ngưng tụ ở đáy ngăn kéo. Chỉ kích hoạt HydroBreeze nếu bạn đang bảo quản thực phẩm trong ngăn kéo.

Đảm bảo rằng các yêu cầu sau được đáp ứng: HydroBreeze

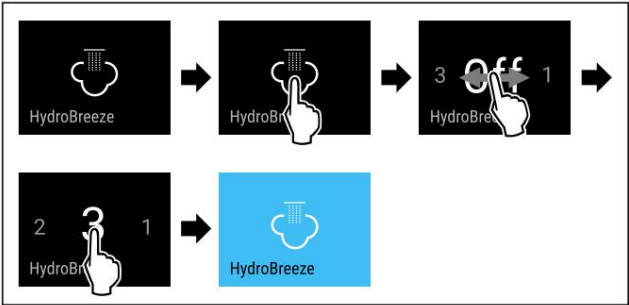
sạch sẽ. (xem 9.8.6 Vệ sinh Hydro-
Gió nhẹ*)

Bình chứa nước đã đầy. (xem 8.9.1 Đổ đầy bình chứa nước)

Kích hoạt HydroBreeze bằng cách chọn giá trị cho thời lượng Hydro-Breeze:



Hình 44



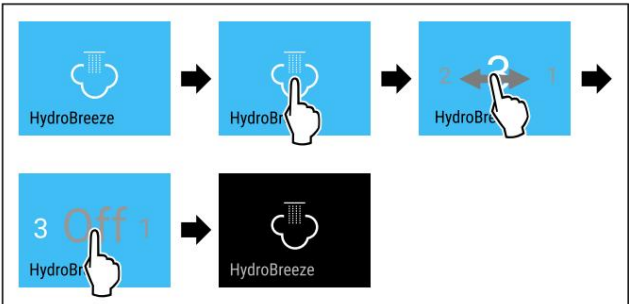
Hình 45 Ví dụ minh họa: Kích hoạt HydroBreeze với giá trị 3.

Thực hiện các bước hành động theo hình minh họa. HydroBreeze được kích hoạt.

Tắt HydroBreeze



Hình 46



Hình 47

Thực hiện các bước hành động theo hình minh họa. HydroBreeze đã bị vô hiệu hóa.

Chế độ làm sạch

Bạn có thể sử dụng chức năng này để kích hoạt hoặc hủy kích hoạt Chế độ Vệ sinh. Chế độ Vệ sinh cho phép vệ sinh thiết bị một cách thuận tiện.

Cài đặt này áp dụng cho ngăn tủ lạnh.

Ứng dụng: -

Vệ sinh phần tủ lạnh. (xem 9.8 Vệ sinh thiết bị)

- Làm sạch InfinitySpring. (xem 9.8.5 Làm sạch InfinitySpring)

Mùa xuân *) *

Trạng thái thiết bị khi CleaningMode đang hoạt
động Màn hình trạng thái sẽ hiển thị CleaningMode liên tục.

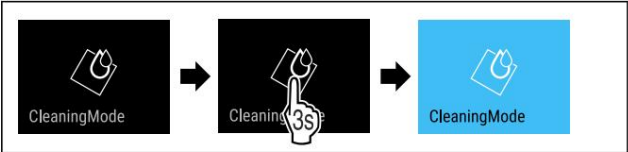
Trạng thái thiết bị khi CleaningMode đang hoạt
động Ngăn lạnh đã tắt.
Đèn chiếu sáng bên trong được kích hoạt.
Không hiển thị lời nhắc và cảnh báo. Không có âm thanh tín hiệu.
InfinitySpring đã tắt.*

Trạng thái thiết bị

Kích hoạt CleaningMode



Hình 48

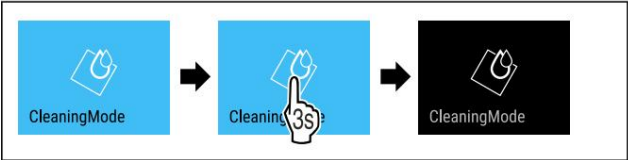


Hình 49

Thực hiện các bước hành động theo hình minh họa. Chế độ làm sạch được kích hoạt.

Màn hình trạng thái hiển thị Chế độ làm sạch liên tục.

Tắt Chế độ Vệ sinh. Chế độ Vệ sinh sẽ tự động tắt sau 60 phút. Tuy nhiên, bạn cũng có thể tắt Chế độ Vệ sinh theo cách thủ công bất cứ lúc nào:



Hình 50

Thực hiện các bước hành động theo hình minh họa. Chế độ làm sạch bị vô hiệu hóa.

Thiết bị nguội đến nhiệt độ đã cài đặt trước đó.

Độ sáng màn hình

Sử dụng chức năng này để cài đặt độ sáng màn hình theo từng giai đoạn.

Bạn có thể chọn các mức độ sáng sau: - 40% - 60% - 80% - 100%

(cài đặt trước)

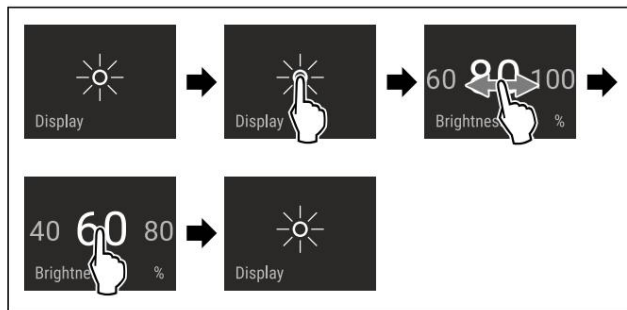
Cài đặt độ sáng



Hình 51

* Tùy thuộc vào mẫu mã và tùy chọn

Kiểm soát



Hình 52 Ví dụ minh họa: Chuyển từ 80% sang 60%.

Thực hiện các bước hành động theo hình minh họa. Độ sáng đã được thiết lập.



Bảng báo động

Sử dụng chức năng này để kích hoạt hoặc hủy kích hoạt báo động cửa. Chuông báo cửa sẽ kêu nếu cửa mở quá lâu. Chuông báo cửa sẽ được kích hoạt khi giao hàng. Bạn có thể cài đặt thời gian cửa có thể mở trước khi chuông báo cửa kêu.

Có thể thiết lập các giá trị sau: - 1 phút

- 2 phút - 3

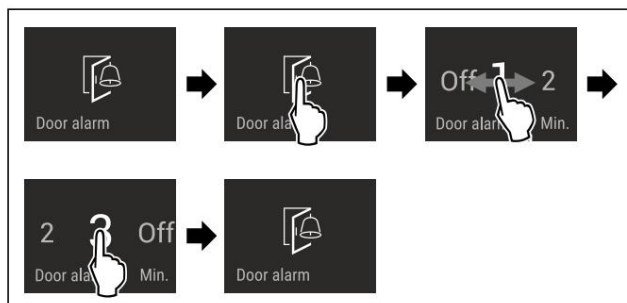
phút

- Tắt

Cài đặt báo động cửa



Hình 53



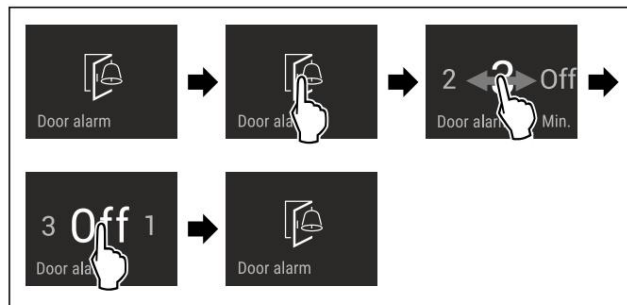
Hình 54 Ví dụ minh họa: Thay đổi báo động cửa từ 1 phút thành 3 phút.

Thực hiện các bước hành động theo hình minh họa. Chuông báo động cửa đã được cài đặt.

Tắt báo động cửa



Hình 56



Hình 57

Thực hiện các bước hành động theo hình minh họa. Bảo động cửa đã bị vô hiệu hóa.



Khóa đầu vào

Bạn có thể sử dụng chức năng này để kích hoạt hoặc hủy kích hoạt khóa đầu vào. Khóa đầu vào ngăn ngừa việc thiết bị vô tình bị vận hành, ví dụ như bởi trẻ em.

Ứng dụng: -

Tránh việc sửa đổi chức năng một cách vô ý.

- Tránh tắt thiết bị một cách vô ý.

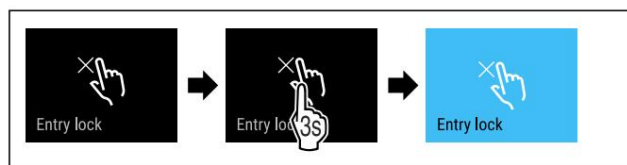
- Tránh cài đặt nhiệt độ một cách vô ý.

Kích hoạt khóa đầu vào Nếu bạn

kích hoạt khóa đầu vào, bạn có thể tiếp tục điều hướng trong menu nhưng không thể chọn hoặc thay đổi các chức năng khác.



Hình 58



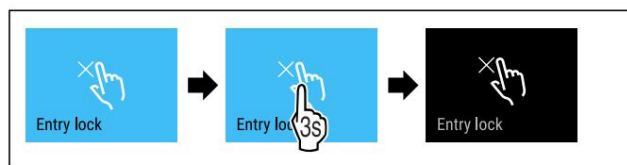
Hình 59

Thực hiện các bước hành động theo hình minh họa. Khóa đầu vào được kích hoạt.

Vô hiệu hóa khóa đầu vào



Hình 60



Hình 61

Thực hiện các bước hành động theo hình minh họa. Khóa đầu vào bị vô hiệu hóa.



Ngôn ngữ

Sử dụng chức năng này để cài đặt ngôn ngữ hiển thị.

Bạn có thể chọn các ngôn ngữ sau:

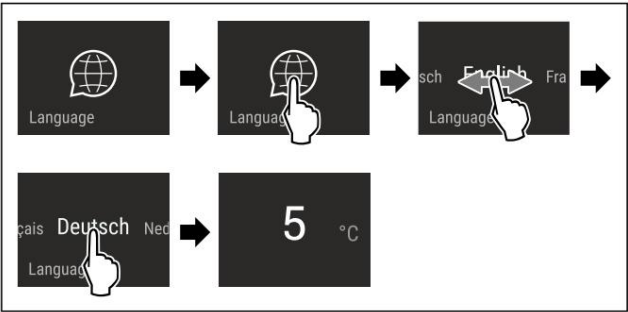
- Tiếng Đức
- Tiếng Anh
- Tiếng Pháp
- Tiếng Tây Ban Nha
- Tiếng Ý
- Hà Lan - Séc

- Đánh bóng
 - Tiếng Bồ Đào Nha
 - Tiếng Bulgaria
 - Tiếng Nga -
- Đơn vị nhiệt độ

Cài đặt ngôn ngữ



Hình 62



Hình 63 Ví dụ minh họa tùy thuộc vào ngôn ngữ và nhiệt độ
Thực hiện các bước
hành động theo hình minh họa. Ngôn ngữ đã được thiết lập.
Màn hình trở về màn
hình trạng thái.



Thông tin thiết bị

Sử dụng chức năng này để chỉ ra tên model, mã sản phẩm, số sê-ri và số dịch vụ của thiết bị. Bạn sẽ cần thông tin thiết bị khi liên hệ với bộ phận chăm sóc khách hàng. (xem mục 10.4 Dịch vụ Khách hàng)

Chức năng này cũng mở menu Nâng cao. (xem 3 Chức năng của màn hình Cảm ứng & Vuốt)

Chỉ ra thông tin thiết bị



Hình 64



Hình 65

Thực hiện các bước hành động theo hình minh họa. Màn hình hiển thị thông tin thiết bị.



Phần mềm

Sử dụng chức năng này để chỉ ra phiên bản phần mềm của thiết bị của bạn.

Chỉ ra phiên bản phần mềm



Hình 66



Hình 67

Thực hiện các bước hành động theo hình minh họa. Màn hình hiển thị phiên bản phần mềm.



Lỗi nhắc nhở

Sử dụng chức năng này để kích hoạt hoặc hủy kích hoạt lỗi nhắc. Chức năng này được kích hoạt khi giao hàng.

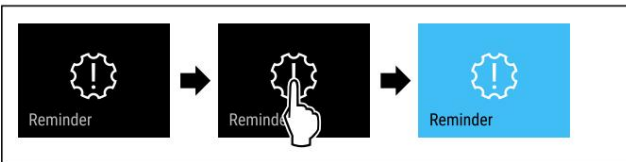
Nếu chức năng này được kích hoạt, những lỗi nhắc sau sẽ xuất hiện:

- Thay bộ lọc nước (xem mục Thay bộ lọc nước*) *
- Thay bộ lọc than hoạt tính FreshAir (xem Thay bộ lọc than hoạt tính FreshAir)

Kích hoạt lỗi nhắc



Hình 68



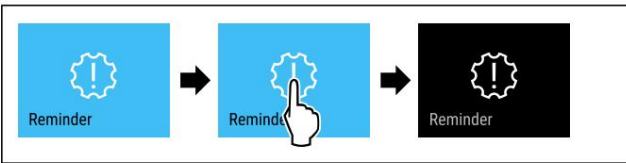
Hình 69

Thực hiện các bước hành động theo hình minh họa. Tính năng nhắc nhở được kích hoạt.

Tắt lỗi nhắc



Hình 70



Hình 71

Thực hiện các bước hành động theo hình minh họa. Tắt chức năng nhắc nhở.

* Tùy thuộc vào mẫu mã và tùy chọn

Kiểm soát



Chế độ demo

Chế độ demo là tính năng đặc biệt dành cho các đại lý muốn trình diễn các tính năng của thiết bị. Nếu bạn kích hoạt chế độ demo, tất cả các chức năng làm lạnh sẽ bị vô hiệu hóa.

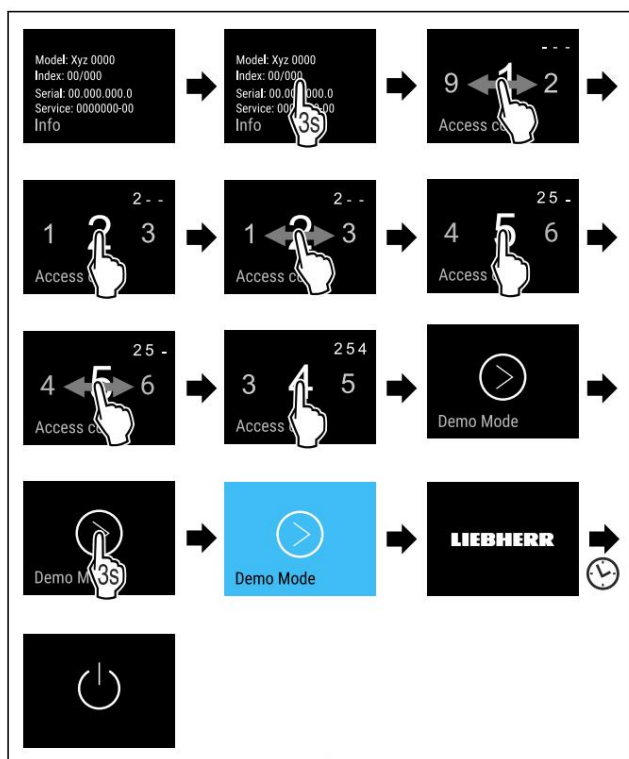
Nếu bạn bật thiết bị và chữ "Demo" xuất hiện trên màn hình trạng thái thì chế độ demo đã được kích hoạt.

Nếu bạn kích hoạt rồi hủy kích hoạt chế độ demo, thiết bị sẽ được khôi phục về cài đặt gốc. (xem mục Khôi phục cài đặt gốc)

Kích hoạt chế độ demo



Hình 72



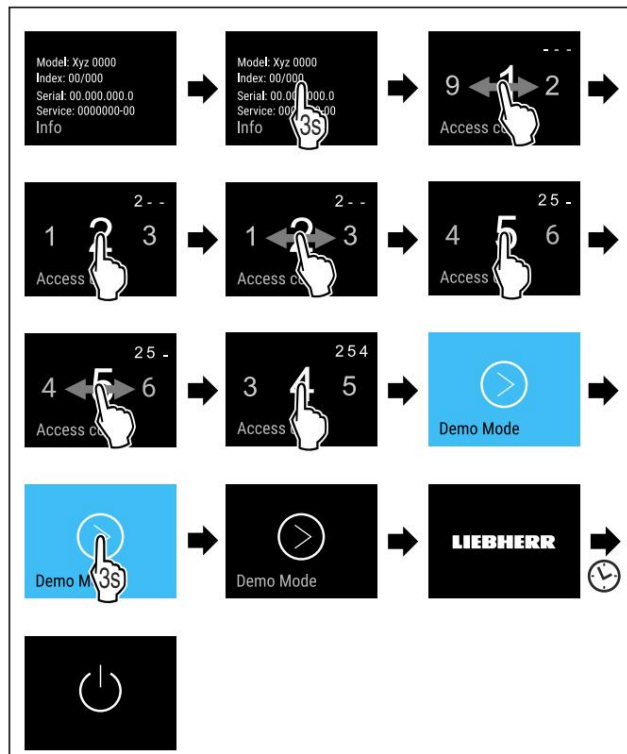
Hình 73

Thực hiện các bước hành động theo hình minh họa. Chế độ demo được kích hoạt. Tắt thiết bị. Bật thiết bị. (xem 4.1 Bật thiết bị (lần sử dụng đầu tiên)) "DEMO" xuất hiện trên màn hình trạng thái.

Tắt chế độ demo



Hình 74



Hình 75

Thực hiện các bước hành động theo hình minh họa. Chế độ demo bị vô hiệu hóa. Thiết bị đã tắt. Bật thiết bị. (xem 4.1 Bật thiết bị (lần sử dụng đầu tiên)) Thiết bị được khôi phục về cài đặt gốc.



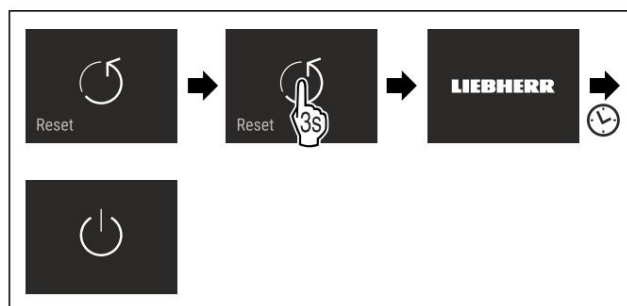
Đặt lại về cài đặt gốc

Sử dụng chức năng này để khôi phục tất cả cài đặt về mặc định của nhà sản xuất. Tất cả các thiết lập bạn đã thực hiện cho đến nay đều được khôi phục về cài đặt gốc.

Thực hiện thiết lập lại



Hình 76



Hình 77

Thực hiện các bước hành động theo hình minh họa. Thiết bị được đặt lại. Thiết bị được tắt. Khởi động lại thiết bị. (xem 4.1 Bật thiết bị (đầu tiên sử dụng))

7.3 Tin nhắn

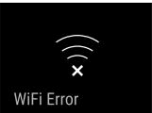
Có hai loại tin nhắn:

Tầm quan trọng của danh mục	
Cảnh báo	Cảnh báo sẽ xuất hiện khi có báo động cửa hoặc cửa bị trục trặc. Bạn có thể tự hủy những cảnh báo đơn giản. Trong trường hợp xảy ra sự cố nghiêm trọng, bạn phải liên hệ với bộ phận chăm sóc khách hàng. (xem 10.4 Dịch vụ chăm sóc khách hàng)
Lỗi nhắc	Lỗi nhắc nhở bạn về các quy trình chung. Bạn có thể thực hiện các thao tác này để kết thúc tin nhắn.

7.3.1 Tổng quan về cảnh báo

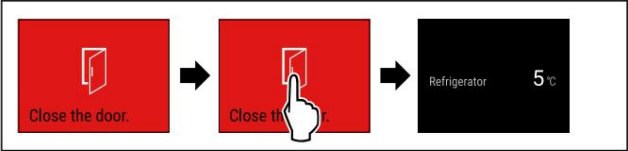
Hành vi của thiết bị khi có cảnh báo: - Cảnh báo sẽ hiển thị màu đỏ trên màn hình.

- Âm thanh báo thức ngày càng to hơn.
- Đèn chiếu sáng bên trong nhấp nháy để cảnh báo.

Tin nhắn	Gây ra	Cái
Thông báo thoát		
	Thông báo sẽ xuất hiện nếu cửa mở quá lâu. (xem Báo động cửa).	ngoài
Bảng báo động		
	Thông báo xuất hiện nếu có lỗi thiết bị. Các bước hành động Một thành phần của thiết bị có lỗi. (xem Lỗi).	ngoài
Lỗi		
	Thông báo này xuất hiện nếu thiết bị không thể kết nối với WLAN. (xem WLAN (xem Lỗi thiết lập WiFi)). Kết nối lần đầu tiên Thông báo này chỉ xuất hiện trong quá trình thiết lập ban đầu.	ngoài
Lỗi WLAN		

7.3.2 Kết thúc cảnh báo

Bảng báo động



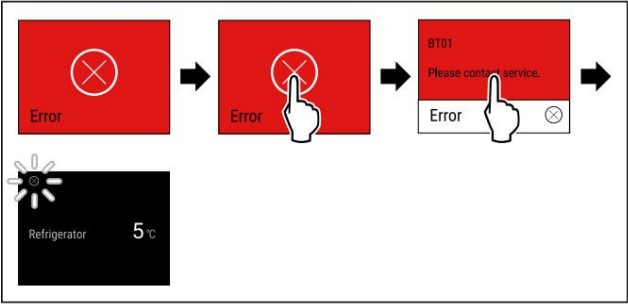
Hình 78 Ví dụ minh họa
Thực hiện các bước hành động theo hình minh họa.

-hoặc- Đóng cửa lại.

Màn hình trở về trạng thái chỉ báo.

Bạn có thể cài đặt thời gian cửa có thể mở trước khi chuông báo động cửa kêu. (xem Cài đặt chuông báo động cửa)

Lỗi



Hình 79 Ví dụ minh họa
Chạm nhẹ vào màn hình. Mã lỗi được hiển thị. Ghi lại mã lỗi. Chạm nhẹ vào màn hình. Màn hình trở về chỉ báo trạng thái. Liên hệ với Dịch vụ Khách hàng. (xem 10.4 Dịch vụ Khách hàng)

Lỗi WLAN

Kiểm tra kết nối WLAN. Kết nối lại thiết bị với WLAN. (xem WiFi)

7.3.3 Tổng quan về lỗi nhắc

Hành vi của thiết bị trong khi nhắc nhở: - Nhắc nhở xuất hiện màu vàng trên màn hình.

- Âm thanh báo thức vang lên.
- Đèn bên trong nhấp nháy để nhắc nhở một số điều.

Có thể vô hiệu hóa các lời nhắc sau đây (xem mục Vô hiệu hóa lời nhắc): - Thay bộ lọc than hoạt tính

FreshAir

Tin nhắn	Gây ra	Ra cái tin nhắn
	Thông báo xuất hiện khi bộ lọc nước cần được thay thế.*	Thực hiện các bước hành động (xem Thay bộ lọc nước*).*
Thay bộ lọc nước*		
	Các khi xuất thông báo hiện bộ lọc than hoạt tính FreshAir cần được thay thế.	Thực hiện các bước hành động (xem Thay thế bộ lọc than hoạt tính FreshAir).
Thay thế bộ lọc than hoạt tính Fres- hAir		

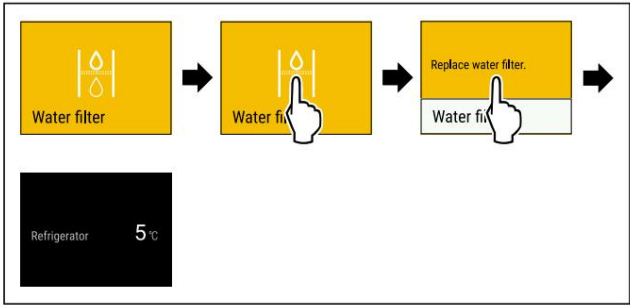
7.3.4 Kết thúc lời nhắc

Thay bộ lọc nước* Liebherr
khuyến nghị: Thay bộ lọc nước 6 tháng một lần.

Lưu

ý: Bộ lọc nước có sẵn tại cửa hàng Liebherr-Hausgeräte tại home.liebherr.com/shop/de/de/zubehor.html.

* Tùy thuộc vào mẫu mã và tùy chọn



Hình 80 Ví dụ minh họa

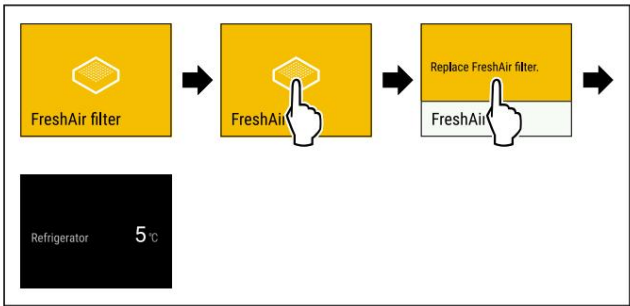
Chạm nhẹ vào màn hình. Màn hình hiển thị thông tin nhắc nhở. Chạm nhẹ vào màn hình. Thay bộ lọc nước. (xem 9.3 Bộ lọc nước*) Bộ lọc nước đảm bảo chất lượng nước tối ưu. Lời nhắc sẽ xuất hiện lại sau 6 tháng.

Nếu bạn không muốn nhận lời nhắc này nữa, bạn có thể hủy kích hoạt nó. (xem mục Hủy kích hoạt lời nhắc)

Thay bộ lọc than hoạt tính FreshAir Liebherr khuyến nghị: Thay bộ lọc than hoạt tính FreshAir 6 tháng một lần.

Ghi chú

Bạn có thể mua bộ lọc than hoạt tính FreshAir tại cửa hàng Liebherr-Hausgeräte tại home.liebherr.com/shop/de/deu/zubehor.html.



Hình 81 Ví dụ minh họa

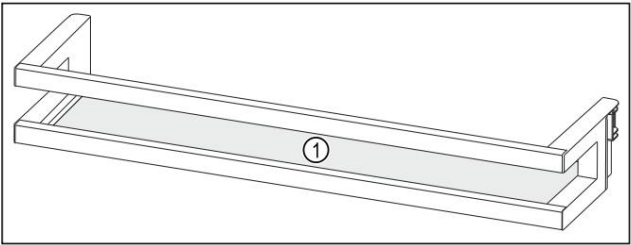
Chạm nhẹ vào màn hình. Màn hình hiển thị thông tin nhắc nhở. Chạm nhẹ vào màn hình. Thay bộ lọc than hoạt tính. (xem 9.1 Bộ lọc than hoạt tính FreshAir) Bộ lọc than hoạt tính đảm bảo chất lượng không khí tối ưu trong bộ phận làm mát. Lời nhắc sẽ xuất hiện lại sau 6 tháng.

Nếu bạn không muốn nhận lời nhắc này nữa, bạn có thể hủy kích hoạt nó. (xem mục Hủy kích hoạt lời nhắc)

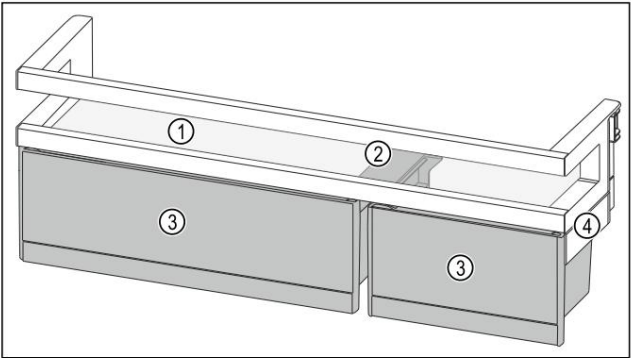
8 tính năng

8.1 Giá đỡ cửa

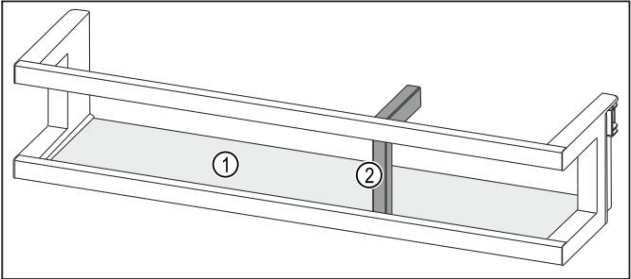
Kệ cửa thích hợp để lưu trữ đồ uống và thực phẩm. Bạn có thể di chuyển kệ cửa để sử dụng riêng và tháo rời để vệ sinh. Tuy nhiên, Liebherr khuyến nghị sử dụng kệ cửa theo đúng vị trí lắp đặt trên cửa tủ như khi giao từ nhà máy.



Hình 82 Ví dụ minh họa, Giá đỡ cửa (1) Kệ



Hình 83 Ví dụ minh họa, Giá đỡ cửa có VarioBoxes (1) Kệ (2) Bộ phận giữ (3) VarioBoxes (4) Phần bên



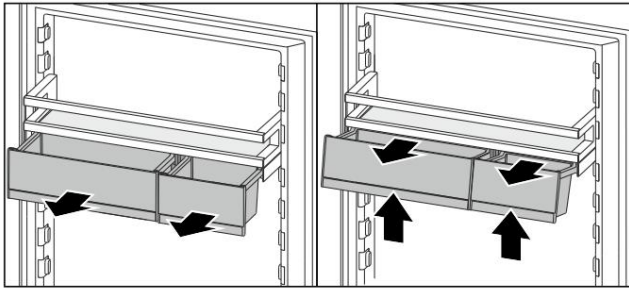
Hình 84 Ví dụ minh họa, Giá để đồ trên cửa có giá để chai (1) Kệ (2) Giá đựng chai

Bảng sau đây minh họa những đồ vật có thể lưu trữ trong mỗi giá đỡ cửa. Không được vượt quá tải trọng tối đa của cửa.

Giá đỡ cửa	Đồ ăn
Giá để đồ trên cửa (xem Hình 82)	Bơ, phô mai, đồ hộp, ống
Giá để đồ trên cửa có giá để chai (xem Hình 84)	Chai lọ Giá đựng chai trượt giúp cố định chai trong giá đỡ ở cửa.
Giá để đồ trên cửa có VarioBoxes (xem Hình 83)	các món ăn nhỏ

8.1.1 Tháo VarioBox Có thể sử dụng một hoặc cả

hai VarioBox. Nếu bạn muốn cất giữ những chai lọ cao trong giá đỡ cửa bên dưới giá đỡ cửa có VarioBox, bạn có thể tháo một hoặc cả hai VarioBox.

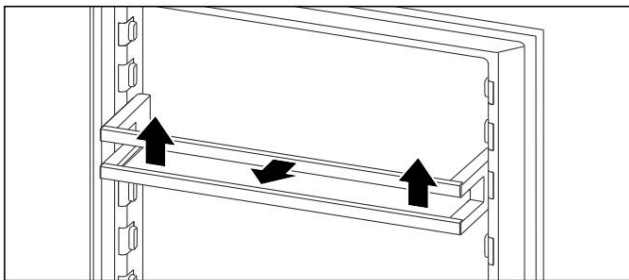


Hình 85

Kéo VarioBox ra khỏi điểm dừng. Nâng VarioBox ra phía trước. Lấy VarioBox ra phía trước.

8.1.2 Tháo giá đỡ cửa

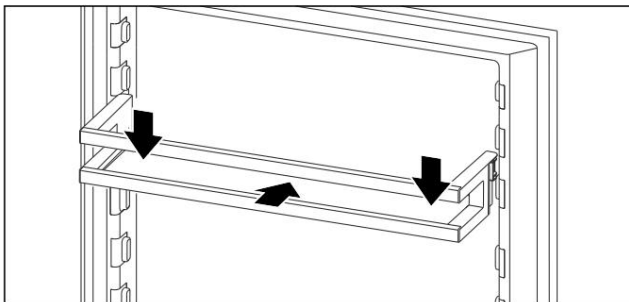
Đảm bảo đáp ứng các yêu cầu sau: VarioBox đã được gỡ bỏ. (xem 8.1.1 Gỡ bỏ VarioBox)



Hình 86 Ví dụ minh họa Đẩy giá đỡ cửa lên trên. Kéo giá đỡ cửa về phía trước.

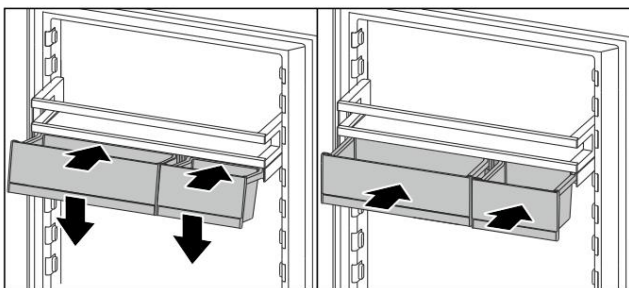
8.1.3 Lắp giá đỡ cửa

Đảm bảo đáp ứng các yêu cầu sau: VarioBox đã được gỡ bỏ. (xem 8.1.1 Gỡ bỏ VarioBox)



Hình 87 Ví dụ minh họa Trượt giá đỡ cửa vào. Nhấn giá đỡ cửa xuống.

8.1.4 Chèn VarioBox



Hình 88

Đặt VarioBoxes theo một góc trên gờ của giá đỡ cửa.

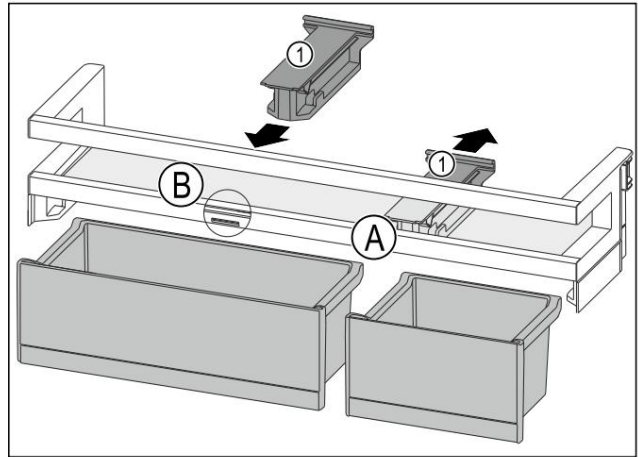
Hạ VarioBoxes xuống.
Đẩy VarioBoxes vào.

8.1.5 Chuyển đổi VarioBox

Đảm bảo đáp ứng các yêu cầu sau: VarioBox đã được tháo ra. (xem 8.1.1 Tháo VarioBox)

Hộp)

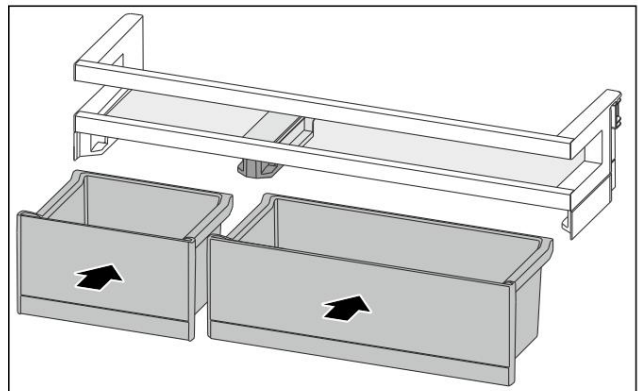
Giá đỡ cửa đã được tháo ra. (xem 8.1.2 Tháo giá đỡ cửa trên cửa)



Hình 89

Tháo bộ phận giữ Hình 89 (1) ở vị trí Hình 89 (A) ngược lại.

Lắp bộ phận giữ Hình 89 (1) vào vị trí Hình 89 (B). Lắp giá đỡ cửa. (xem 8.1.3 Lắp giá đỡ cửa)



Hình 90

Lắp VarioBox theo thứ tự ngược lại. (xem Hình 90)

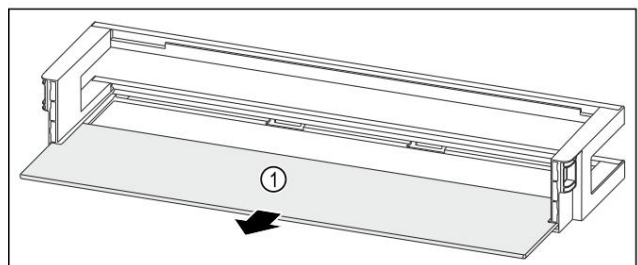
8.1.6 Tháo rời giá đỡ cửa

Bạn có thể tháo rời một số giá đỡ cửa nếu muốn vệ sinh hoặc lắp đặt hoặc tháo rời các bộ phận thay thế.

Tháo rời giá đỡ cửa Đảm bảo

đáp ứng các yêu cầu sau: Giá đỡ cửa đã được tháo ra. (xem 8.1.2 Tháo

giá đỡ cửa trên cửa)

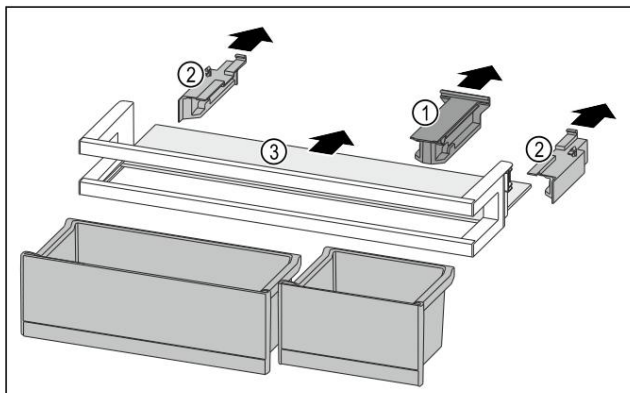


Hình 91 Giá cửa có kệ

Đặc trưng

Tháo kệ Hình 91 (1).

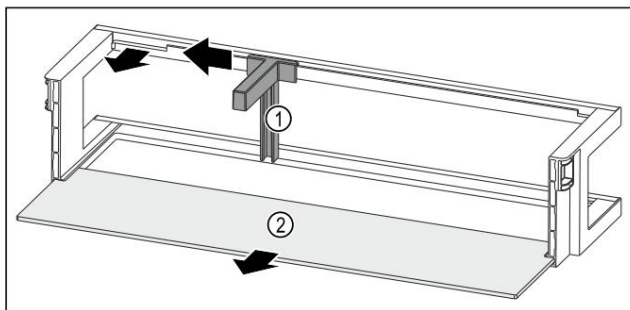
Tháo đỡ giá đỡ cửa bằng VarioBoxes Đảm bảo đáp ứng các yêu cầu sau: Giá đỡ cửa đã được tháo ra. (xem 8.1.2 Tháo giá đỡ đồ trên cửa)



Hình 92

Tháo VarioBox. (xem 8.1.1 Tháo VarioBox) Tháo bộ phận giữ Hình 92 (1). Tháo các bộ phận bên Hình 92 (2). Tháo kệ Hình 92 (3).

Tháo rời giá đỡ cửa có giá đỡ chai



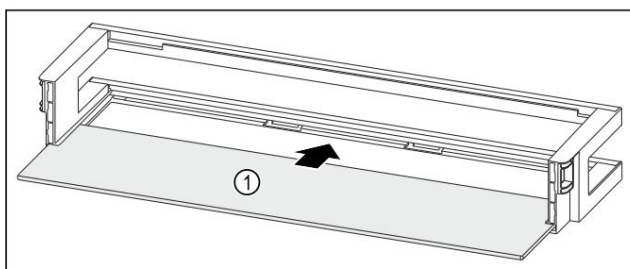
Hình 93 Giá đỡ cửa có giá đỡ chai và kệ

Trượt giá đỡ chai Hình 93 (1) sang một bên xa nhất có thể giữ ra khỏi.

Tháo giá đỡ chai Hình 93 (1). Tháo giá đỡ Hình 93 (2).

8.1.7 Lắp ráp giá đỡ cửa

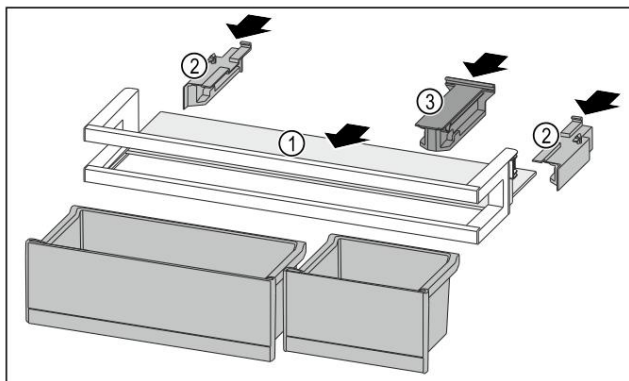
Lắp ráp giá đỡ cửa



Hình 94 Giá cửa có kệ

Đẩy kệ Hình 94 (1) vào các hốc bên.

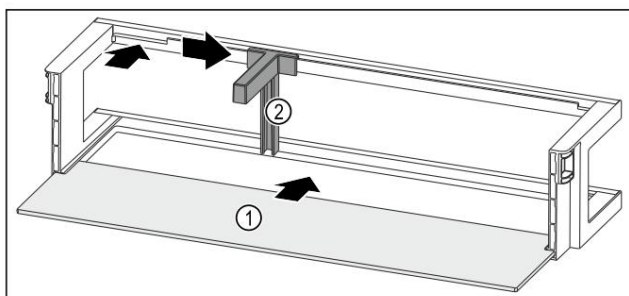
Lắp ráp giá đỡ cửa với VarioBoxes



Hình 95

Đẩy kệ Hình 95 (1) vào các hốc bên. Lắp các bộ phận bên Hình 95 (2). Lắp bộ phận giữ Hình 95 (3). Lắp VarioBox. (xem 8.1.4 Lắp VarioBox)

Lắp ráp giá đỡ cửa có giá đỡ chai



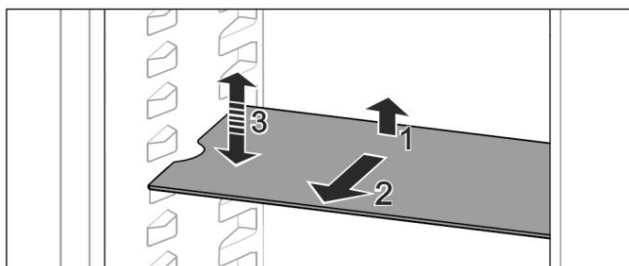
Hình 96 Giá cửa có kệ

Đẩy kệ Hình 96 (1) vào các hốc bên. Lắp giá đỡ chai Hình 96 (2) vào hốc. Đẩy giá đỡ chai Hình 96 (2) đến vị trí mong muốn sang một bên.

8.2 Kệ

8.2.1 Điều chỉnh/tháo kệ

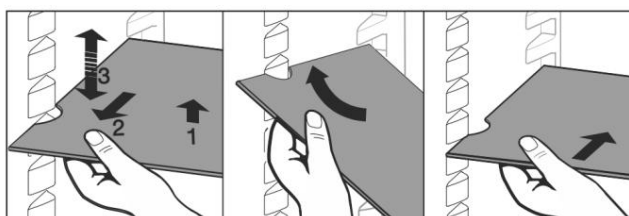
Các kệ được ngăn không cho bị kéo ra ngoài một cách vô tình bằng các chốt chặn kéo ra.



Hình 97

Nâng kệ lên và kéo về phía trước. Căn chỉnh thanh trượt bên. Điều chỉnh chiều cao của kệ: Nâng hoặc hạ kệ đến độ cao mong muốn và trượt vào.

-hoặc-



Hình 98

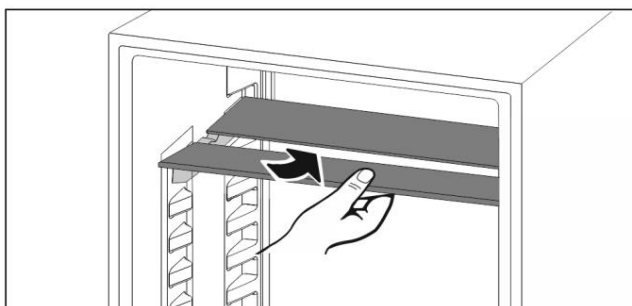
Tháo hoàn toàn kệ: Kéo ra phía trước. Tháo dễ hơn: Đặt

kệ ở một góc. Lắp lại kệ: Trượt kệ vào hoàn toàn. Các chốt chặn kéo ra hướng xuống dưới. Các chốt chặn kéo ra nằm phía sau giá đỡ phía trước.

8.3 Kệ chia

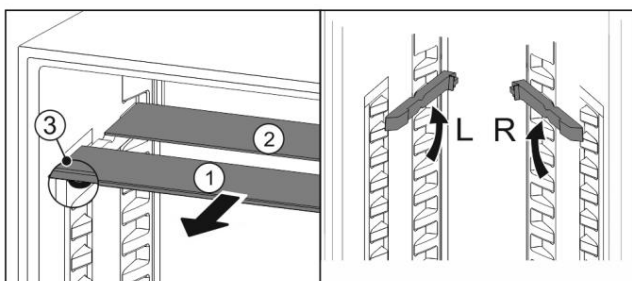
8.3.1 Sử dụng kệ chia

Các kệ được ngăn không cho bị kéo ra ngoài một cách vô tình bằng các chốt chặn kéo ra.



Hình 99

Đẩy kệ chia vào bên dưới như hình minh họa.



Hình 100

Điều chỉnh chiều cao:

Kéo các tấm kính ra khỏi Hình 100 (1) từ phía trước, một ở một thời điểm.

Thả các thanh ray hỗ trợ và nhấp vào ở độ cao bạn muốn muốn.

Trượt từng tấm kính vào. Chốt chặn kéo ra phẳng ở phía trước, ngay phía sau thanh ray đỡ. Chốt chặn kéo ra cao ở phía sau.

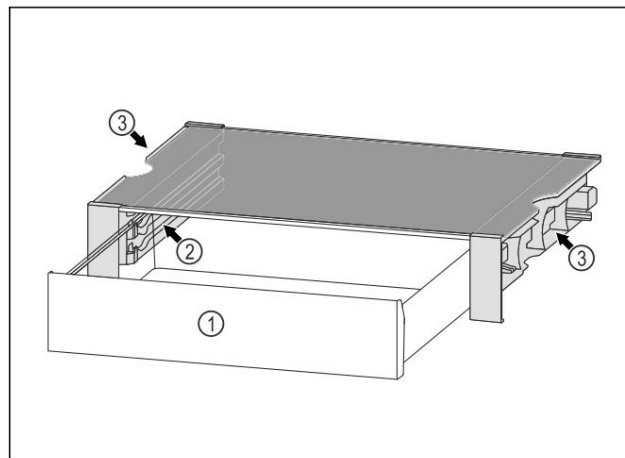
Sử dụng cả hai kệ:

Giữ tấm kính bằng một tay và kéo nó về phía đằng trước.

Tấm kính Hình 100 (1) và dải trang trí nằm ở phía trước. Các điểm dừng Hình 100 (3) hướng xuống dưới.

8.4 VarioSafe

VarioSafe cung cấp không gian trong ngăn tủ lạnh để đựng các loại thực phẩm nhỏ, bao bì, ống và lọ chẳng hạn.



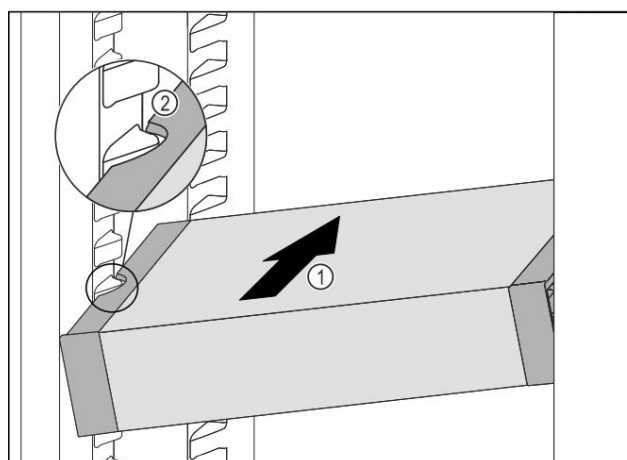
Hình 101

(1) Ngăn kéo VarioSafe

(3) Các hốc ở mặt bên trái và bên phải

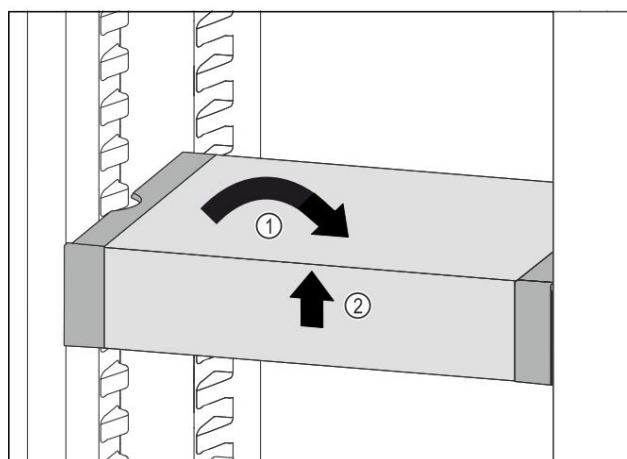
(2) Tấm ốp bên có gờ cho ngăn kéo VarioSafe

8.4.1 Lắp VarioSafe



Hình 102

Lắp VarioSafe vào phần tủ lạnh theo góc Hình 102 (1) cho đến khi các hốc ở mặt bên Hình 102 (2) của VarioSafe ngang bằng với thanh đỡ ở phần tủ lạnh.

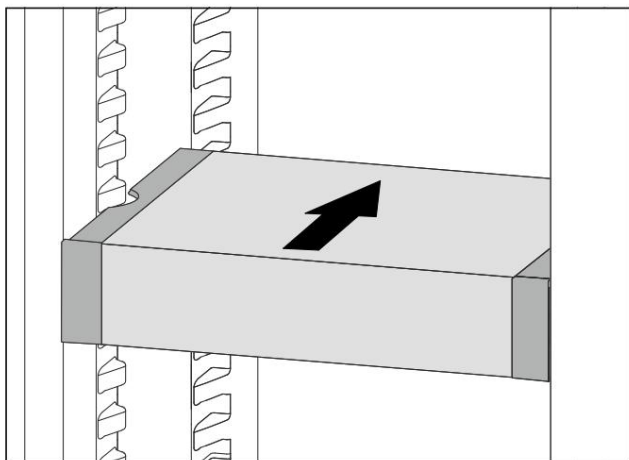


Hình 103

Đặt VarioSafe thẳng. Hình 103 (1)

Nâng VarioSafe ở phía trước. Hình 103 (2)

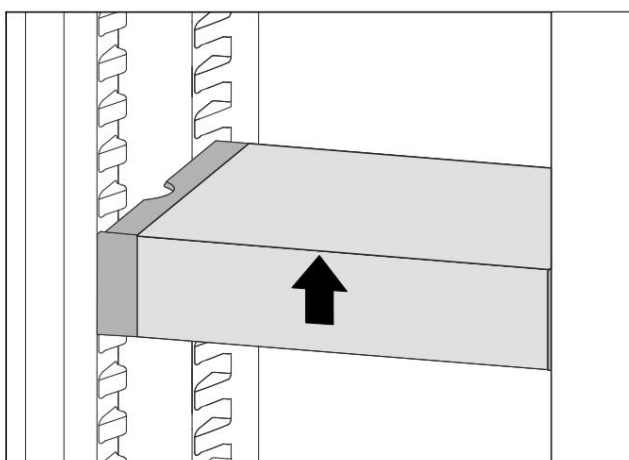
Đặc trưng



Hình 104

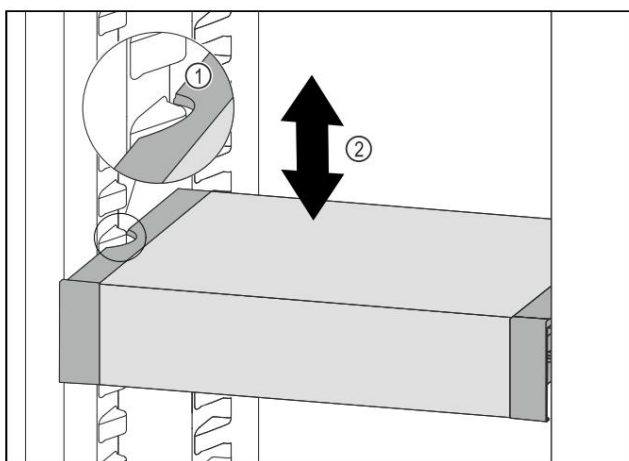
Nâng VarioSafe lên về phía trước. Đẩy VarioSafe vào phía sau. Hạ VarioSafe xuống. VarioSafe phát ra âm thanh báo hiệu. VarioSafe đã được lắp vào.

8.4.2 Thay đổi vị trí của VarioSafe Bạn có thể di chuyển toàn bộ VarioSafe trong ngăn tủ lạnh.



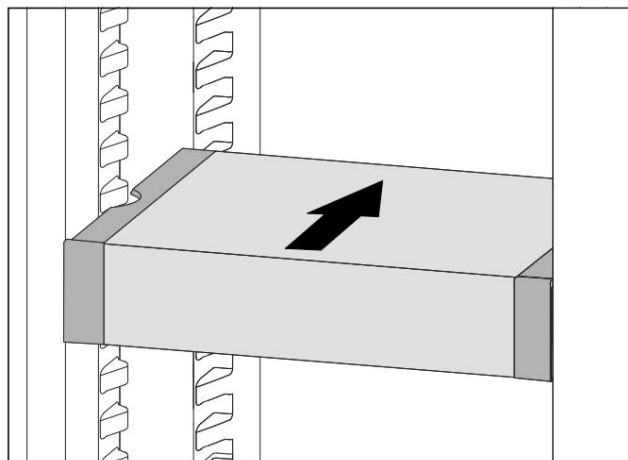
Hình 105

Nâng VarioSafe ở phía trước.



Hình 106

Kéo VarioSafe về phía trước cho đến khi các hốc ở bên hông VarioSafe ngang bằng với thanh đỡ trong ngăn tủ lạnh. Hình 106 (1) Di chuyển VarioSafe lên hoặc xuống trong ngăn tủ lạnh cho đến khi đạt được độ cao mong muốn. Hình 106 (2)

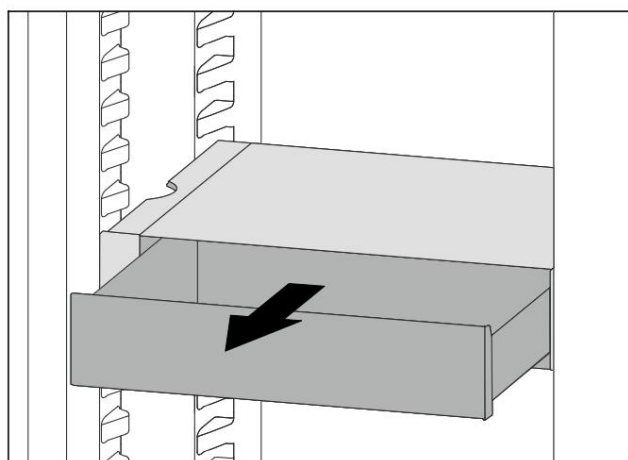


Hình 107

Nâng VarioSafe ở phía trước. Đẩy VarioSafe vào phía sau. VarioSafe sẽ phát ra âm thanh khi vào. VarioSafe được điều chỉnh độ cao.

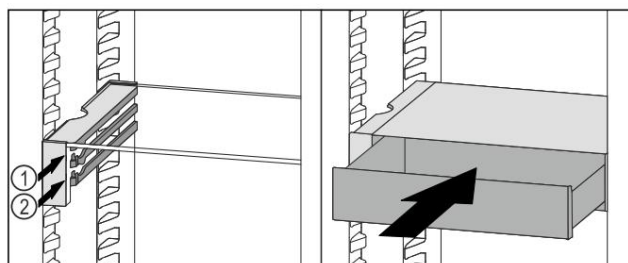
8.4.3 Di chuyển ngăn kéo VarioSafe Bạn có thể sử dụng

dụng ngăn kéo VarioSafe ở hai độ cao khác nhau. Nếu bạn muốn bảo quản thực phẩm cao hơn trong ngăn VarioSafe, hãy trượt ngăn VarioSafe vào gờ dưới. Nếu bạn muốn bảo quản thực phẩm nhỏ hơn trong ngăn VarioSafe, hãy trượt ngăn VarioSafe vào gờ trên.



Hình 108

Kéo ngăn kéo VarioSafe ra xa nhất có thể. Nâng ngăn kéo VarioSafe lên ở phía trước. Tháo ngăn kéo VarioSafe ra phía trước.

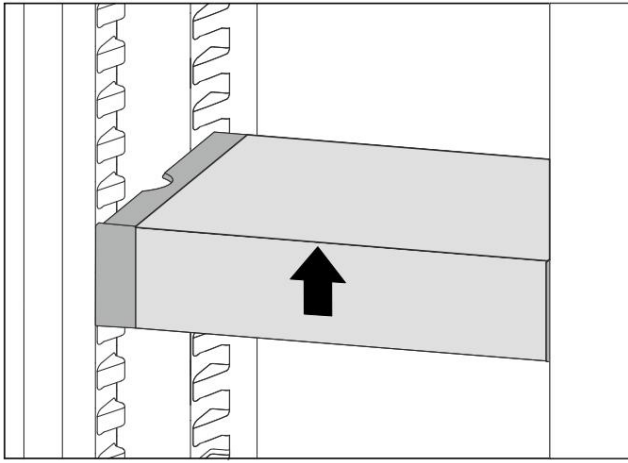


Hình 109

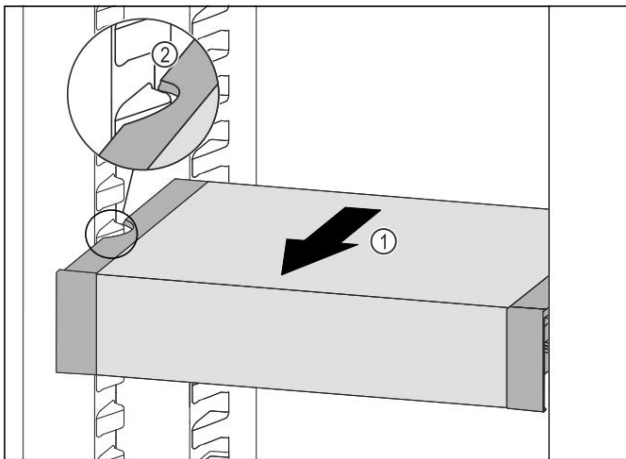
Nâng ngăn kéo VarioSafe lên ở phía trước. Đặt ngăn kéo VarioSafe phía sau các nút chặn trên gờ mong muốn Hình 109 (1) hoặc Hình 109 (2). Ngăn kéo VarioSafe được đặt lệch về chiều cao.

8.4.4 Tháo VarioSafe

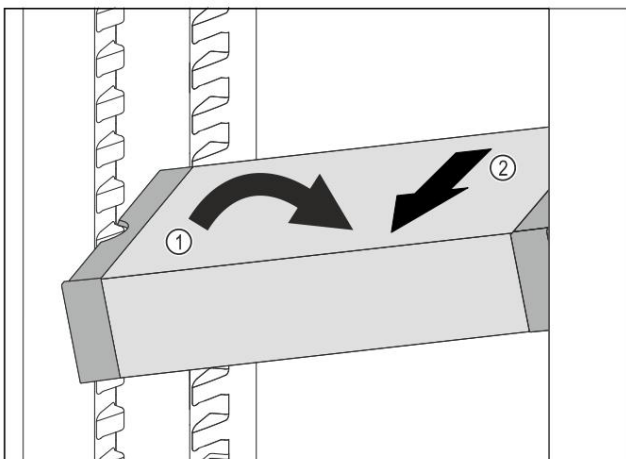
Bạn có thể tháo toàn bộ VarioSafe.



Hình 110
Nâng VarioSafe ở phía trước.



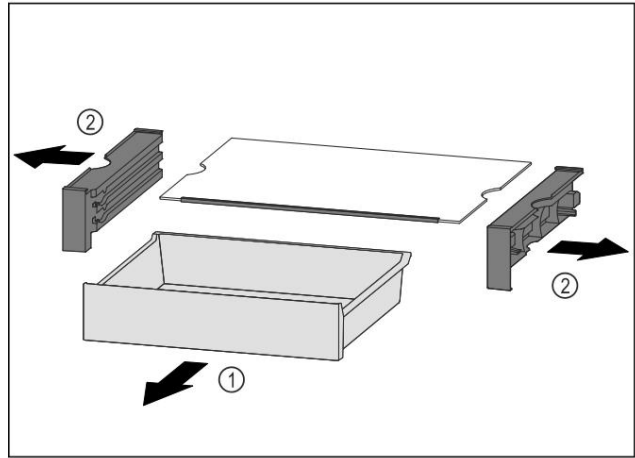
Hình 111
Kéo VarioSafe về phía trước Hình 111 (1) cho đến khi các hốc ở bên hông VarioSafe ngang bằng với thanh đỡ ở phần tủ lạnh. Hình 111 (2)



Hình 112
Đặt VarioSafe vào ngăn tủ lạnh theo một góc nghiêng.
Hình 112
(1) Lấy VarioSafe ra phía trước. Hình 112 (2) VarioSafe được tháo ra.

8.4.5 Tháo rời VarioSafe

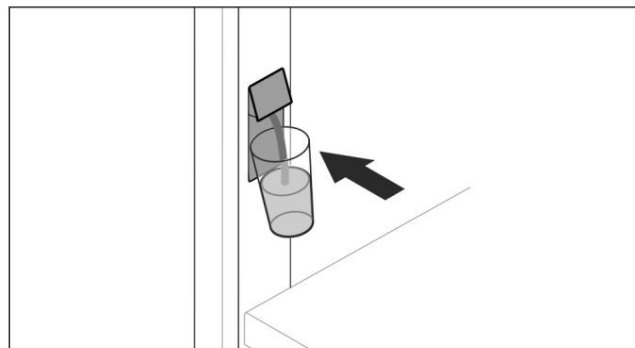
Bạn có thể tháo rời VarioSafe thành các bộ phận riêng lẻ nếu bạn muốn vệ sinh VarioSafe hoặc nếu bạn cần lắp hoặc tháo các bộ phận.



Hình 113
Tháo toàn bộ VarioSafe. (xem 8.4.4 Tháo VarioSafe)
Tháo rời VarioSafe theo hình minh họa.

8.5 Mùa xuân vô cực*

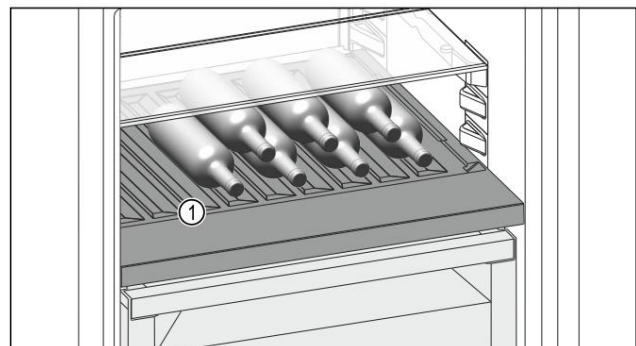
Máy lọc nước tích hợp rất tiện lợi để uống nước.
Nhiệt độ của nước phụ thuộc vào nhiệt độ trong tủ lạnh.



Hình 114
Đẩy kính vào nút nhấn phía dưới của
Bộ phận
rót di chuyển ra ngoài: Nước chảy vào ly. Tránh đổ
tràn: Từ từ lấy cốc ra.
Để lấy thêm nước:
Nếu dòng nước ngừng chảy, hãy tháo bình chứa nước ra và ấn bình chứa vào nút nhấn
phía dưới của vòi lấy nước một lần nữa.

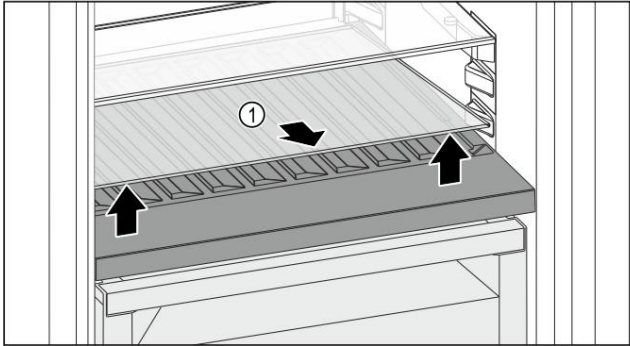
8.6 Kệ đựng chai có thể điều chỉnh

Có thể sử dụng kệ kính hoặc giá để chai có thể thay đổi kích thước ở ngăn dưới cùng của tủ lạnh. Kệ kính sẽ được lắp vào khi giao hàng.



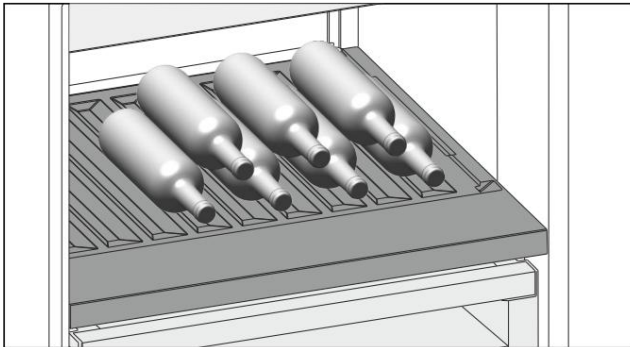
Hình 115 Ví dụ minh họa (1) Giá
đựng chai có thể thay đổi

8.6.1 Sử dụng giá đựng chai có thể thay đổi



Hình 116

Nâng kệ kính Hình 116 (1) ở phía trước và tháo ra. Cắt kệ kính Hình 116 (1) ở nơi an toàn bên ngoài thiết bị.



Hình 117

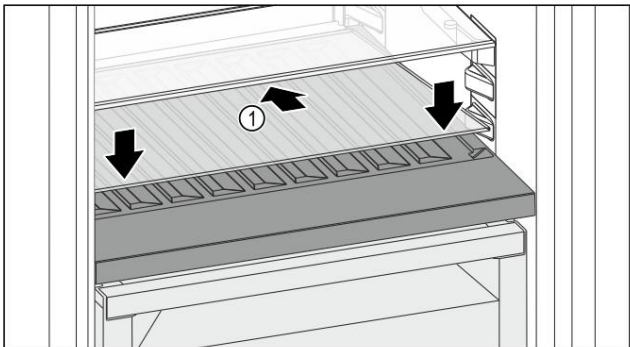
Đặt các chai ở hàng sau sao cho đáy chai dựa vào tường phía sau. (xem Hình 117)

Lưu ý

Khi các chai nhô ra khỏi giá để chai có thể thay đổi ở phía trước: Đặt giá để cửa dưới cao hơn một vị trí.

8.6.2 Sử dụng kệ kính

Đảm bảo đáp ứng các yêu cầu sau: Các chai đã được tháo ra. Giá để chai có thể thay đổi đã được vệ sinh. (xem 9.5 Tháo/lắp giá để chai có thể thay đổi) (xem 9.8.4 Vệ sinh các bộ phận)



Hình 118

Đặt giá kính Hình 118 (1) theo một góc nghiêng, nghiêng xuống dưới và về phía sau. Hạ thấp giá kính Hình 118 (1) ở phía trước.

8.7 Ngăn kéo

Bạn có thể tháo ngăn kéo ra để vệ sinh.

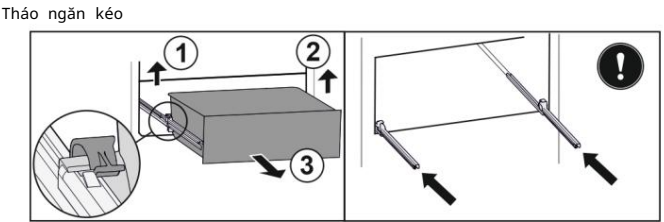
Cách tháo/lắp ngăn kéo sẽ khác nhau tùy thuộc vào hệ thống kéo ra. Thiết bị của bạn có thể có nhiều hệ thống kéo ra khác nhau.

Lưu ý: Mức tiêu thụ năng lượng tăng lên và công suất làm mát giảm xuống nếu thông gió không đủ. Luôn giữ lỗ thông gió của quạt thông thoáng trên tường phía sau!

8.7.1 Ngăn kéo trên ray kéo dài Ngăn kéo

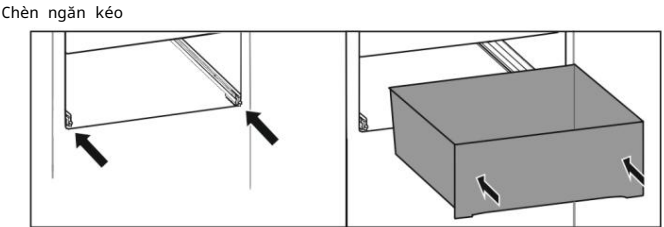
chạy trên ray kéo dài (ray kéo dài). Có ray kéo dài hoàn toàn và ray kéo dài chỉ kéo ra một phần. Ngăn kéo kéo dài hoàn toàn có thể được kéo ra hoàn toàn khỏi thiết bị. Ngăn kéo kéo ra một phần không thể được kéo ra hoàn toàn khỏi thiết bị. Hệ thống trong thiết bị của bạn phụ thuộc vào loại thiết bị.

Có thể kéo dài hoàn toàn Nếu bạn có thanh ray có thể kéo dài hoàn toàn, sẽ có một cái kẹp nằm ở phía sau bên trái và bên phải của thanh ray.



Hình 119

Kéo ngăn kéo ra xa nhất có thể. Nâng kẹp bên trái và đồng thời kéo ngăn kéo về phía trước bên trái. Hình 119 (1) Nâng kẹp bên phải và đồng thời kéo ngăn kéo về phía trước bên phải. Hình 119 (2) Tháo ngăn kéo ra phía trước. Hình 119 (3) Trượt thanh ray vào.

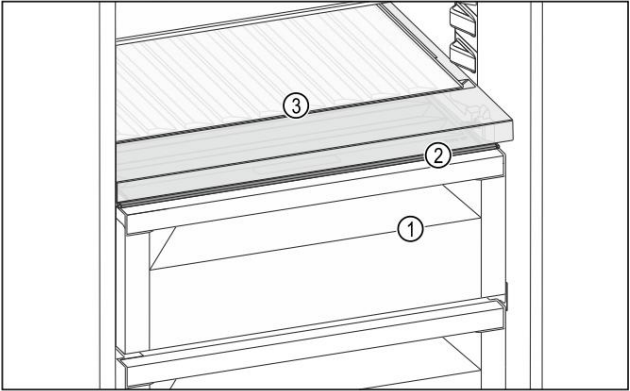


Hình 120

Trượt thanh ray vào. Đặt ngăn kéo lên thanh ray. Trượt ngăn kéo vào phía sau. Ngăn kéo kêu cọt kẹt ở phía sau.

8.8 Nắp ngăn đựng trái cây và rau củ an toàn

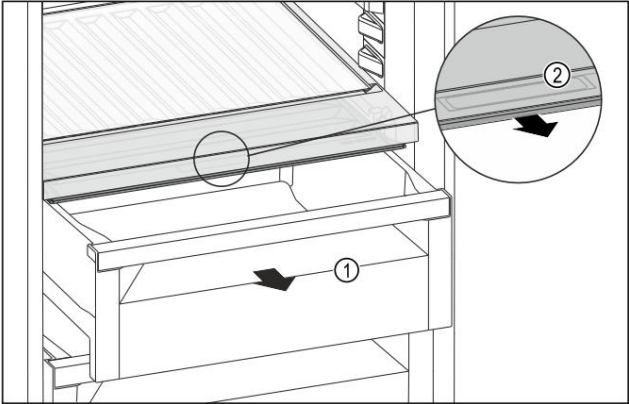
Nắp ngăn đảm bảo độ ẩm luôn ở mức ổn định. Nắp ngăn nằm ngay trên ngăn kéo và có thể được che bằng kệ hoặc ngăn kéo bổ sung.



Hình 121 Ví dụ minh họa, nắp ngăn đựng Trái cây & Rau củ An toàn (1) Trái cây & Rau củ An toàn (2) Nắp ngăn đựng

Trái cây & Rau quả an toàn (3) Giá để chai có thể thay đổi

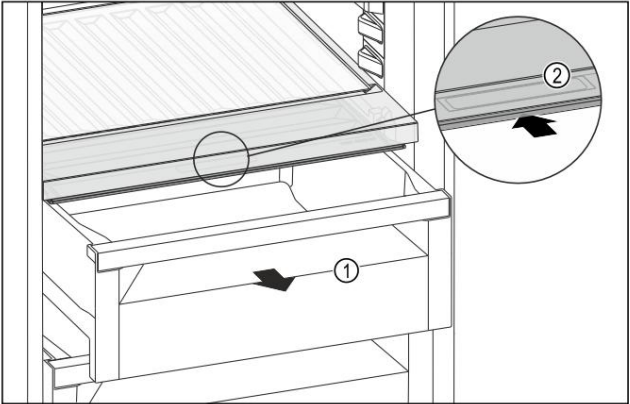
8.8.1 Giảm độ ẩm không khí trong ngăn kéo



Hình 122 Kéo ngăn kéo ra Hình 122 (1). Nắm chặt tay cầm lõm Hình 122 (2) trên nắp ngăn và đồng thời kéo nắp ngăn về phía trước.

Khi ngăn kéo đóng lại, có một khe hở nhỏ giữa nắp ngăn và ngăn kéo. Không thể sử dụng HydroBreeze. (xem 8.9 HydroBreeze*) *

8.8.2 Tăng độ ẩm không khí trong ngăn kéo



Hình 123 Kéo ngăn kéo ra Hình 123 (1). Nắm chặt tay cầm lõm Hình 123 (2) trên nắp ngăn và đồng thời đẩy nắp ngăn về phía sau.

Khi ngăn kéo đóng lại, nắp ngăn sẽ khít với ngăn kéo. Có thể sử dụng HydroBreeze. (xem 8.9 HydroBreeze*) *

8.8.3 Sử dụng Ngăn Chứa Trái Cây & Rau Củ An Toàn như Ngăn Chứa Thịt & Sữa Bận có thể

sử dụng Ngăn Chứa Trái Cây & Rau Củ An Toàn như Ngăn Chứa Thịt & Sữa. Để làm được điều này, bạn phải giảm độ ẩm trong ngăn kéo. (xem mục 8.8.1 Giảm độ ẩm không khí trong ngăn kéo)

8.8.4 Sử dụng trái cây và rau củ an toàn với HydroBreeze*

Bạn có thể sử dụng Fruit & Vegetable Safe với HydroBreeze. Để làm được điều này, bạn phải tăng độ ẩm trong ngăn kéo. (xem 8.8.2 Tăng độ ẩm không khí trong ngăn kéo)

8.9 HydroBreeze*

HydroBreeze phun sương lên hàng hóa đông lạnh để cung cấp độ ẩm mỗi khi mở cửa. HydroBreeze và bình chứa nước được đặt trên kệ đựng chai có thể điều chỉnh.

- Đảm bảo đáp ứng các điều kiện sau: - Bình chứa nước sạch. (xem 9.8.4 Vệ sinh các bộ phận)
- Bình chứa nước đã được lắp đúng cách.
 - Độ ẩm trong ngăn kéo được đặt ở mức độ ẩm không khí cao. (xem 8.8.2 Tăng độ ẩm không khí trong ngăn kéo)
 - HydroBreeze được kích hoạt. (xem HydroBreeze*)

8.9.1 Đổ đầy nước vào bình chứa

CẢNH BÁO Nước

bẩn!

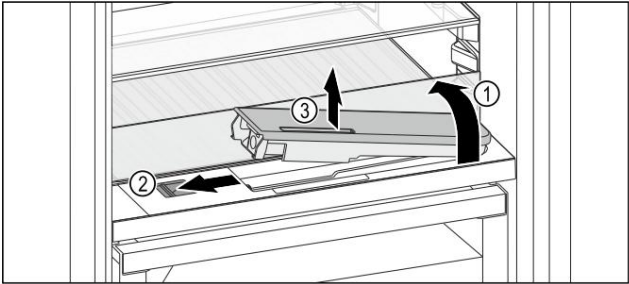
Chất gây ô nhiễm.

Chỉ đổ nước uống. Tắt HydroBreeze: bình chứa nước trống. Không sử dụng HydroBreeze nữa: bình chứa nước trống.

LƯU Ý CHẤT Lỏng có chứa đường! Hư hỏng ở HydroBreeze. Chỉ đổ nước uống.

Ghi chú Chỉ sử dụng nước đã lọc và khử cacbon để có nguồn nước uống chất lượng tốt nhất và giúp HydroBreeze hoạt động trơn tru. Chất lượng nước này có thể đạt được bằng cách sử dụng bộ lọc nước uống dạng viên có bán tại các cửa hàng bán lẻ. Chỉ đổ nước uống đã lọc và khử cacbon vào bình chứa nước.

Bình chứa nước được tích hợp vào giá để chai có thể điều chỉnh (xem mục 2.2 Tổng quan về thiết bị và dụng cụ).



Hình 124 Nhấn vào góc sau bên trái của tấm kính phía trước.

Đặc trưng

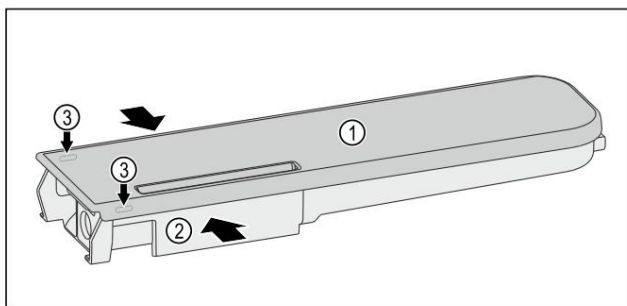
Tấm kính gập lên ở phía trước. Nâng tấm kính lên và gập về phía sau cho đến khi khớp vào vị trí Hình 124 (1). Tấm kính đứng thẳng. Trượt thanh trượt Hình 124 (2) sang trái. Bình chứa nước bật ra khỏi hộc. Tháo bình chứa nước Hình 124 (3). Vệ sinh bình chứa nước (xem

9.8.4 Vệ sinh bộ phận nents) .

Mở vuông: Đổ nước uống đến vạch đánh dấu. Lắp bình chứa nước vào hộc, đáy trước. Từ từ hạ thấp phần trước và đẩy bình vào. Lắp bình chứa nước vào đúng vị trí.

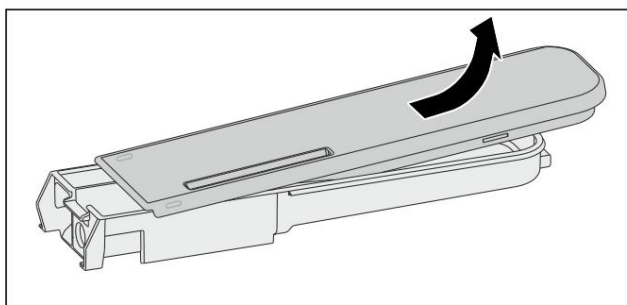
8.9.2 Tháo dỡ bể chứa nước

Bạn có thể tháo bình chứa nước HydroBreeze để vệ sinh.



Hình 125

Đẩy các bình chứa nước Hình 125 (2) lại với nhau, cẩn thận bẩy nắp Hình 125 (1) lên các chốt Hình 125 (3) và nhấc nắp lên. Nắp được mở ra.

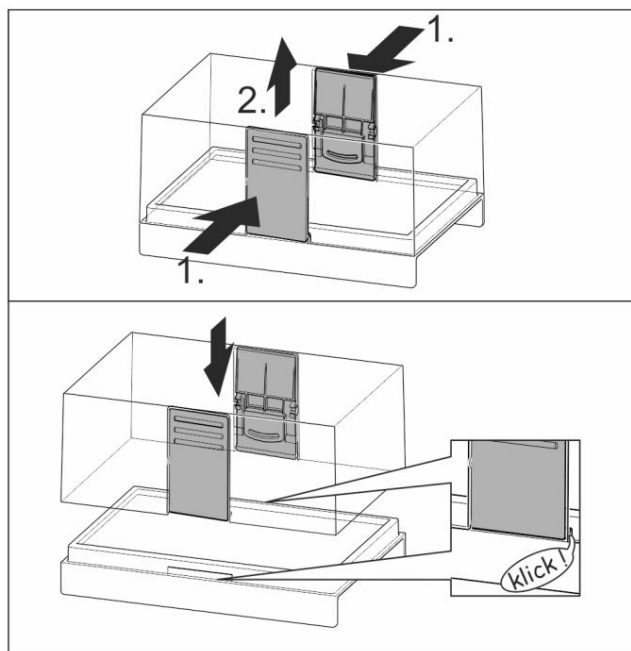


Hình 126

Di chuyển nắp Hình 125 (1) nhẹ nhàng về phía trước và phía sau, rồi tháo ra phía trên. Bể chứa nước đã được tháo rời.

8.10 Đĩa đựng bơ

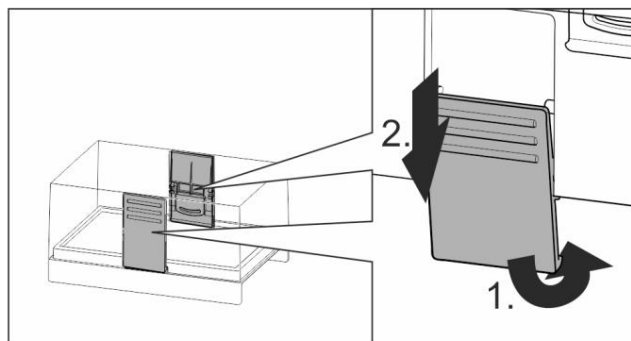
8.10.1 Mở/đóng hộp đựng bơ



Hình 127

8.10.2 Tháo rời đĩa đựng bơ

Bạn có thể tháo rời hộp đựng bơ để vệ sinh.



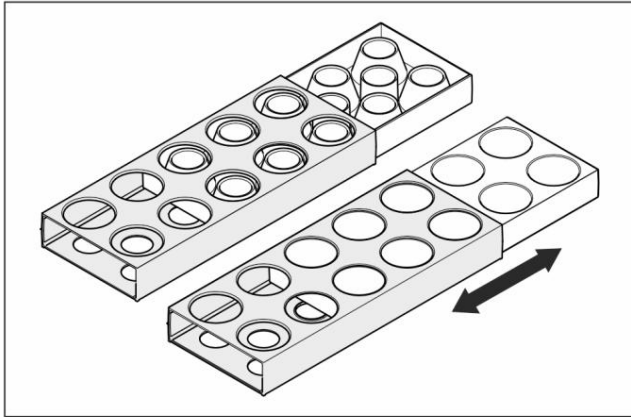
Hình 128

Tháo rời đĩa đựng bơ.

8.11 Giá để trứng

Bạn có thể kéo ra và xoay giá đựng trứng. Bạn có thể sử dụng cả hai mặt của giá đựng trứng để ghi nhãn các thông tin cụ thể như ngày mua.

8.11.1 Sử dụng giá đựng trứng

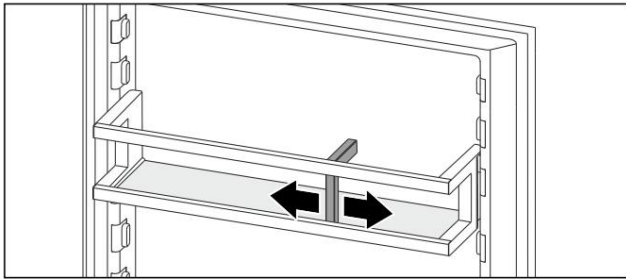


Hình 129

Lớp trên cùng: để bảo quản trứng gà.
Lớp dưới cùng: để bảo quản trứng cút.

8.12 Giá đỡ chai

8.12.1 Sử dụng giá đỡ chai



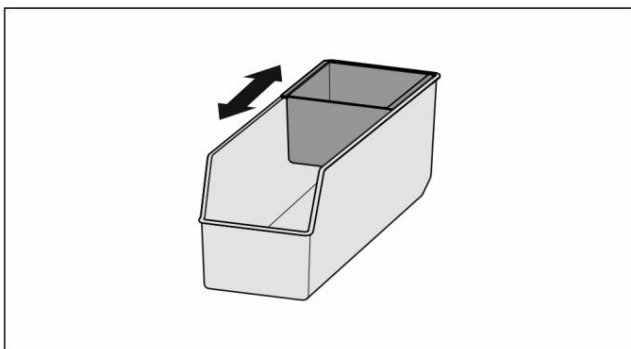
Hình 130

Đẩy giá đỡ chai vào chai. Ngăn không cho chai bị đổ.

8.13 Hệ thống Flex*

8.13.1 Sử dụng FlexSystem

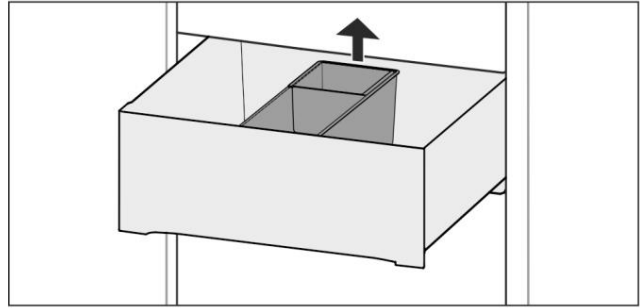
Hệ thống FlexSystem giúp bạn lưu trữ và sắp xếp thực phẩm một cách rõ ràng và linh hoạt. Nó cho phép bạn phân loại thực phẩm theo từng loại, ví dụ như trái cây, rau củ hoặc theo hạn sử dụng.



Hình 131

Di chuyển vỏ bên trong.

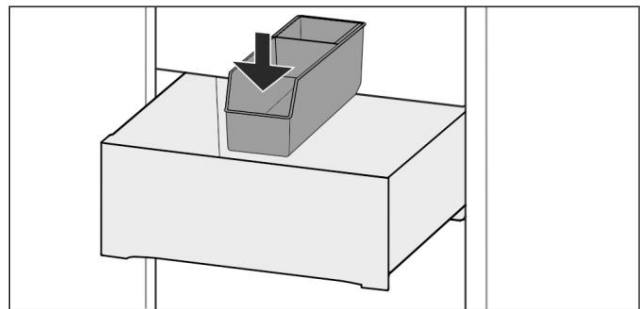
8.13.2 Gỡ bỏ FlexSystem



Hình 132

Nâng FlexSystem từ phía sau. Kéo lên và ra ngoài.

8.13.3 Chèn FlexSystem

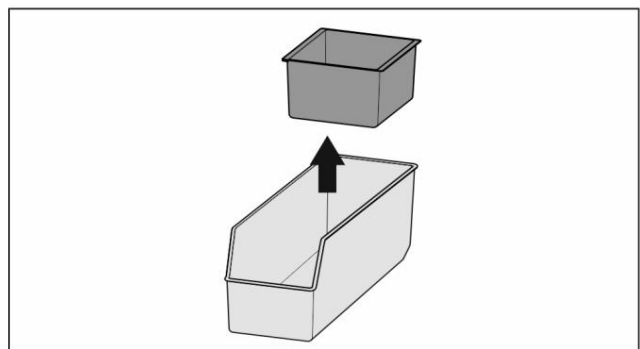


Hình 133

Lắp FlexSystem từ phía trước. Hạ phần phía sau xuống.

8.13.4 Tháo rời FlexSystem

Bạn có thể tháo rời FlexSystem để vệ sinh.



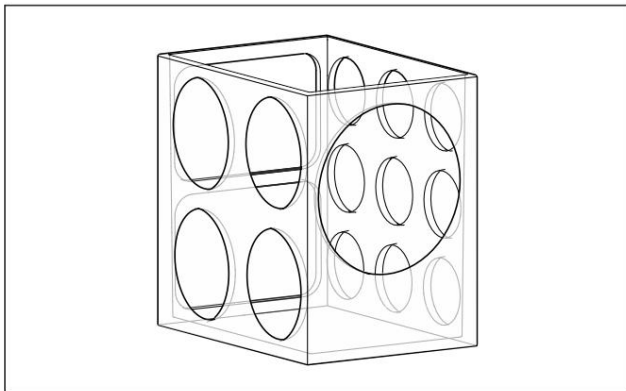
Hình 134

Tháo rời FlexSystem

8.14 FlexCube*

FlexCube có nhiều kích cỡ miệng hộp khác nhau, cho phép bạn lưu trữ các vật dụng nhỏ như ống tuýp, hộp sữa chua đã mở hoặc trứng cút. FlexCube vừa vặn với tất cả các giá đỡ của Liebherr chẳng hạn. Nếu cần, bạn cũng có thể đặt nhiều FlexCube cạnh nhau.

BẢO TRÌ

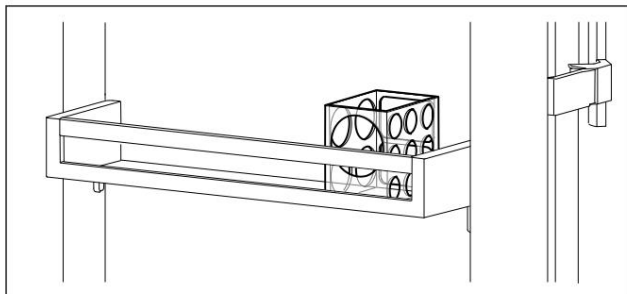


Hình 135 Ví dụ minh họa

Lưu ý:

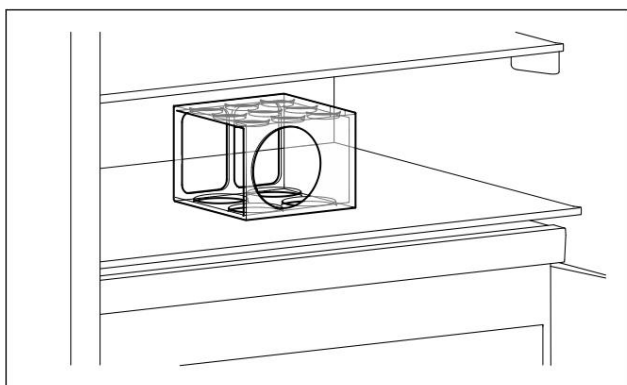
Bạn có thể mua những phụ kiện này tại cửa hàng Liebherr-Hausgeräte tại home.liebherr.com/shop/de/deu/zubehor.html.

8.14.1 Sử dụng FlexCube



Hình 136 Ví dụ minh họa Lắp FlexCube vào giá đỡ cửa.

-hoặc-



Hình 137 Ví dụ minh họa Đặt FlexCube lên kệ.

Phân loại các bộ phận nhỏ vào FlexCube để lưu trữ.

9 Bảo trì

9.1 Bộ lọc carbon FreshAir

Bộ lọc carbon FreshAir nằm ở ngăn phía trên quạt.

Đảm bảo chất lượng không khí tốt nhất.

Thay bộ lọc carbon 6 tháng một lần.

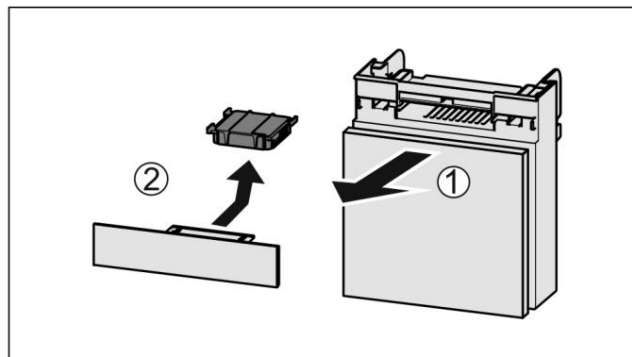
Khi lời nhắc được đặt, một thông báo trên màn hình sẽ nhắc bạn thay đổi.

Bộ lọc carbon có thể được vứt bỏ cùng với rác thải sinh hoạt thông thường.

Lưu ý:

Bạn có thể mua bộ lọc than hoạt tính FreshAir tại cửa hàng Liebherr-Hausgeräte tại home.liebherr.com/shop/de/deu/zubehor.html.

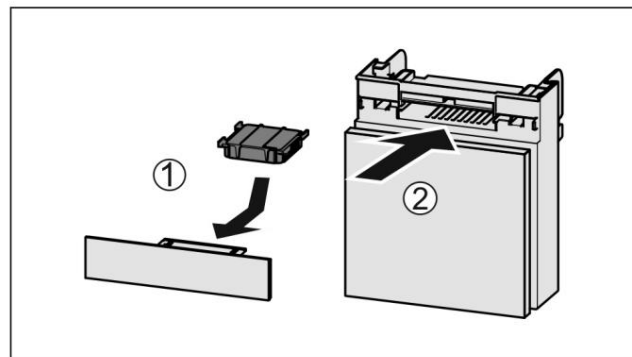
9.1.1 Tháo bộ lọc carbon FreshAir



Hình 138

Kéo ngăn ra Hình 138 (1). Tháo bộ lọc carbon Hình 138 (2).

9.1.2 Lắp bộ lọc carbon FreshAir



Hình 139

Lắp bộ lọc carbon như minh họa trong sơ đồ Hình 139 (1). Bộ lọc carbon khớp vào đúng vị trí. Nếu bộ lọc carbon hướng xuống dưới: Đẩy ngăn chứa ở Hình 139 (2). Bộ lọc carbon hiện đã sẵn sàng để sử dụng.

9.2 Bể chứa nước*

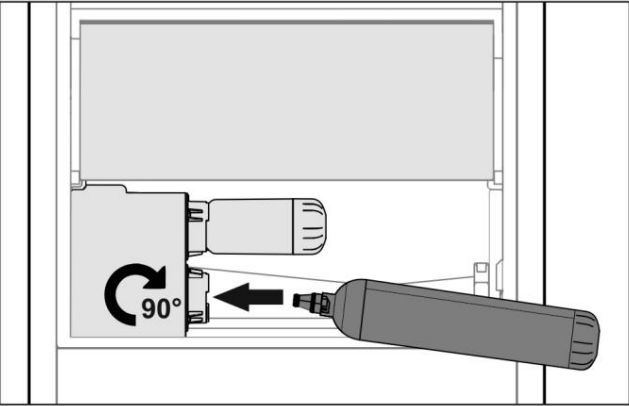
Bình chứa nước InfinitySpring nằm phía sau ngăn kéo thấp nhất.*

9.2.1 Tháo bình chứa nước

Tắt vòi. Xả nước InfinitySpring trong 30 giây và thu thập lượng nước còn lại bằng cách sử dụng một chiếc cốc.* Tháo ngăn kéo. Xoay bình chứa nước hết cỡ ngược chiều kim đồng hồ và kéo ngoài.

Nước nhỏ giọt được thu vào khay hứng nước. Đổ hết nước trong khay hứng nước.* Lau sạch khay hứng nước bằng khăn hoặc bằng máy rửa chén.*

9.2.2 Lắp bình chứa nước



Hình 140

Tháo ngăn kéo. Lắp bình chứa nước vào và xoay khoảng 90° theo chiều kim đồng hồ cho đến khi khớp vào. Kiểm tra xem bình chứa đã được bịt kín và không có nước rò rỉ ra ngoài. Lắp ngăn kéo vào. Mở vòi. Xả nước khỏi hệ thống nước. (xem 4.2.1 Xả nước hệ thống) *

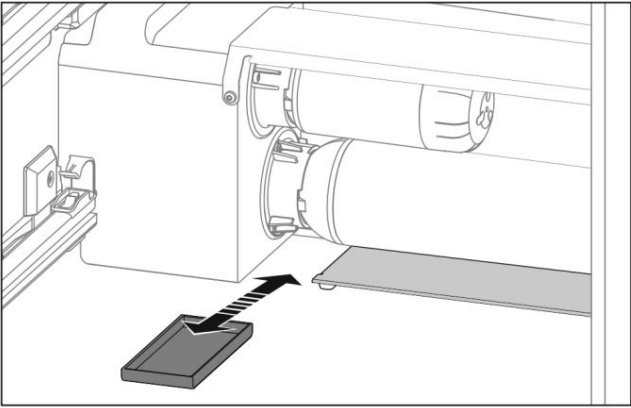
Thay vì sử dụng bộ lọc nước, bạn có thể lắp thêm một bình chứa nước.*

Ghi chú

Bạn có thể mua thêm bình chứa nước này như một lựa chọn bổ sung.

9.2.3 Tháo/lắp khay hứng nước*

Bạn có thể tháo khay hứng nước để vệ sinh.



Hình 141

Kéo khay hứng nước ra phía trước.

9.3 Máy lọc nước*

Bộ lọc nước nằm ở phía sau ngăn kéo thấp nhất. Nó lọc bỏ cặn bẩn trong nước và làm giảm mùi clo.

Thay bộ lọc nước ít nhất 6 tháng một lần hoặc nếu lưu lượng nước giảm đáng kể. Bộ lọc nước chứa carbon và có thể thải bỏ với rác thải sinh hoạt thông thường.

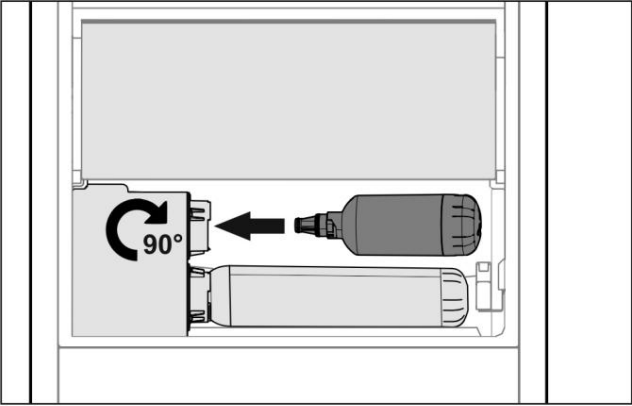
Lưu ý: Bộ lọc nước có sẵn tại cửa hàng Liebherr-Hausgeräte tại home.liebherr.com/shop/de/deu/zubehor.html.

9.3.1 Tháo bộ lọc nước Tháo ngăn kéo.

* Tùy thuộc vào mẫu mã và tùy chọn

Xoay bộ lọc nước hết cỡ ngược chiều kim đồng hồ và kéo nó ngoài. Nước nhỏ giọt sẽ được thu vào khay hứng nước. Lau sạch khay hứng nước bằng khăn hoặc bằng máy rửa chén.*

9.3.2 Lắp bộ lọc nước



Hình 142

Tháo ngăn kéo. Lắp bộ lọc nước vào và xoay khoảng 90° theo chiều kim đồng hồ cho đến khi khớp vào. Kiểm tra xem bộ lọc đã được bịt kín và không có nước rò rỉ ra ngoài. Lắp ngăn kéo vào.

Lưu ý

Bộ lọc nước mới có thể chứa các hạt lơ lửng.* Sau khi thay bộ lọc: Rút và đổ 3 lít nước tại InfinitySpring.

Bộ lọc nước hiện đã sẵn sàng để sử dụng.

9.4 Tháo rời / lắp ráp hệ thống kéo ra

9.4.1 Lưu ý khi tháo rời

Bạn có thể tháo rời một số hệ thống kéo ra để vệ sinh. Thiết bị của bạn có thể chứa nhiều hệ thống kéo ra khác nhau.

Các hệ thống kéo ra sau đây có thể tháo rời hoặc không thể tháo rời:

Hệ thống kéo ra có thể tháo rời / không thể tháo rời	
Có thể mở rộng hoàn toàn không thể tháo rời	

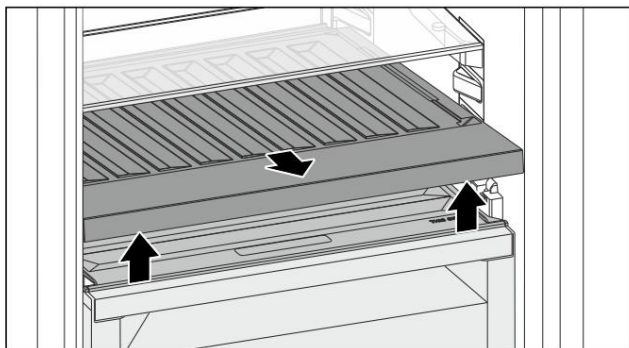
9.5 Tháo/lắp giá đựng chai có thể thay đổi

Giá để bình có thể tháo rời để vệ sinh.

9.5.1 Tháo giá đựng chai có thể thay đổi

Đảm bảo đáp ứng các yêu cầu sau: Các chai đã được lấy ra. Kệ kính đã được tháo ra. (xem 8.6.1 Sử dụng giá để chai có thể thay đổi)

BẢO TRÌ



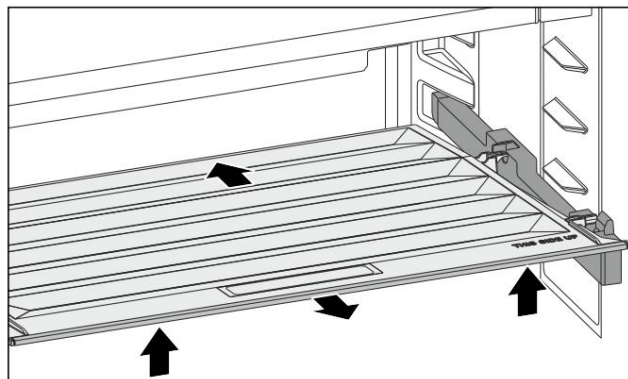
Hình 143

Nâng giá để chai có thể thay đổi ở phía trước và kéo ra. Có thể nhìn thấy nắp ngăn chứa.

Ghi chú

Liebherr khuyến nghị:

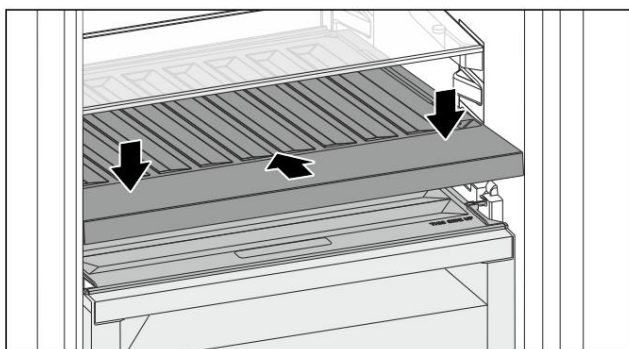
Không đặt bất kỳ vật dụng nào lên nắp ngăn bên dưới.



Hình 145

Đẩy nắp ngăn về phía sau. Nâng nắp ngăn về phía trước. Tháo nắp ngăn về phía trước và lên trên cùng một lúc góc.

9.5.2 Lắp giá đỡ chai có thể thay đổi



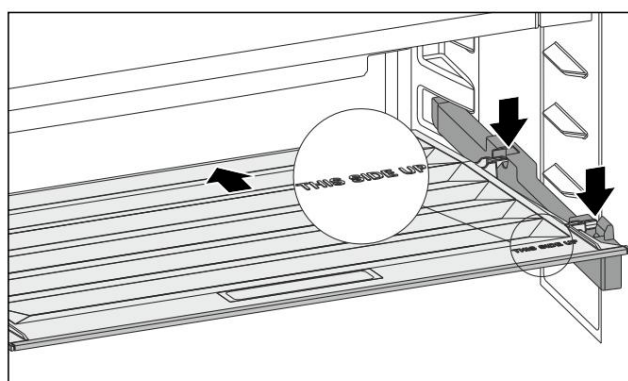
Hình 144

Đẩy giá đỡ chai có thể thay đổi vào điểm dừng cuối và nhấn hạ nó xuống.

Các đầu nối ở mặt sau của giá đựng chai có thể thay đổi được kết nối thông qua quy trình tự động. Đèn LED

sáng lên. Lắp kệ kính vào. (xem 8.6.2 Sử dụng kệ kính) -hoặc-

Sử dụng giá để chai có thể thay đổi kích thước.



Hình 146

Nếu chữ NÀY HƯỚNG LÊN ở trên cùng: Lắp các bộ phận giữ phía sau vào khe hở phía sau có liên quan.

Đẩy nắp ngăn về phía sau. Hạ nắp ngăn về phía trước và lắp các bộ phận giữ phía trước vào các lỗ mở. Di chuyển nắp ngăn đến vị trí mong muốn.

9.6 Nắp ngăn đựng trái cây và rau củ an toàn

Bạn có thể tháo nắp ngăn để vệ sinh.

9.6.1 Tháo nắp ngăn chứa

Đảm bảo đáp ứng các yêu cầu sau: Kệ kính ngay phía trên giá đựng chai có thể thay đổi đã bị xóa.

Giá để chai có thể thay đổi đã được tháo ra.

Ngăn kéo ngay bên dưới nắp ngăn đã được tháo ra. (xem 8.7 Ngăn kéo)

9.7 Rã đông thiết bị



CẢNH BÁO Rã

đông thiết bị không đúng cách!

Chấn thương và hư hỏng.

Không sử dụng thiết bị cơ học hoặc các phương pháp khác để đẩy nhanh quá trình rã đông ngoài những phương pháp được nhà sản xuất khuyến nghị. Không sử dụng thiết bị làm nóng bằng điện hoặc thiết bị làm sạch bằng hơi nước, ngọn lửa trần hoặc bình xịt rã đông để rã đông. Không sử dụng vật sắc nhọn để loại bỏ băng.

Quá trình rã đông được thực hiện tự động. Nước từ quá trình rã đông sẽ chảy qua lỗ thoát nước và bốc hơi. Vệ sinh lỗ thoát nước định kỳ.

(xem 9.8 Vệ sinh thiết bị)

9.8 Vệ sinh thiết bị

9.8.1 Sẵn sàng



CẢNH BÁO Nguy

cơ điện giật! Tháo đầu nối tủ lạnh hoặc ngắt nguồn điện cung cấp.



CẢNH BÁO Nguy

cơ hỏa hoạn

Không làm hỏng mạch làm lạnh.

Đổ hết nước trong thiết bị.
Tháo đầu nối nguồn điện.

-hoặc-

Kích hoạt CleaningMode. (xem CleaningMode)

9.8.2 Vệ sinh vỏ máy

THÔNG BÁO

Vệ sinh không đúng cách!

Hư hỏng thiết bị. Chỉ sử dụng vải lau mềm và chất tẩy rửa đa năng có độ pH trung tính người dọn dẹp.

Không sử dụng miếng bọt biển mài mòn hoặc len thép vì có thể gây trầy xước. Không sử dụng bất kỳ chất tẩy rửa sắc nhọn hoặc mài mòn nào, cũng như bất kỳ chất nào có chứa cát, clorua hoặc axit.



CẢNH BÁO Có

nguy cơ bị thương và hư hỏng do hơi nước nóng!

Hơi nước nóng có thể gây bỏng và làm hỏng bề mặt. Không sử dụng bất kỳ máy làm sạch bằng hơi nước nào!

Lau sạch vỏ máy bằng vải mềm, sạch. Nếu quá bẩn, hãy dùng nước ấm pha với chất tẩy rửa trung tính. Bề mặt kính cũng có thể được lau sạch bằng nước tẩy rửa kính.

9.8.3 Vệ sinh bên trong

THÔNG BÁO

Vệ sinh không đúng cách!

Hư hỏng thiết bị. Chỉ sử dụng vải lau mềm và chất tẩy rửa đa năng có độ pH trung tính người dọn dẹp.

Không sử dụng miếng bọt biển mài mòn hoặc len thép vì có thể gây trầy xước. Không sử dụng bất kỳ chất tẩy rửa sắc nhọn hoặc mài mòn nào, cũng như bất kỳ chất nào có chứa cát, clorua hoặc axit.

Bề mặt nhựa: vệ sinh bằng tay với vải mềm sạch, nước ấm và một ít chất tẩy rửa. Bề mặt kim loại: vệ sinh bằng tay với vải mềm sạch, nước ấm và một ít chất tẩy rửa. Lỗ thoát nước: loại bỏ cặn bẩn bằng vật mỏng (ví dụ như tăm bông).

9.8.4 Làm sạch các thành phần

THÔNG BÁO

Vệ sinh không đúng cách!

Hư hỏng thiết bị. Chỉ sử dụng vải lau mềm và chất tẩy rửa đa năng có độ pH trung tính người dọn dẹp.

Không sử dụng miếng bọt biển mài mòn hoặc len thép vì có thể gây trầy xước. Không sử dụng bất kỳ chất tẩy rửa sắc nhọn hoặc mài mòn nào, cũng như bất kỳ chất nào có chứa cát, clorua hoặc axit.

Lau sạch bằng vải mềm, sạch, nước ấm và một ít chất tẩy rửa:

- Cái kệ
- Kệ chia ngăn
- VarioSafe
- Nắp ngăn đựng trái cây và rau củ an toàn
- Ngăn kéo
- Kệ để chai có thể điều chỉnh
- Hệ thống Flex*

Lau sạch bằng khăn ẩm:

- Thanh ray có thể thu vào

Xin lưu ý: Mỡ trong rãnh được dùng để bôi trơn và không được loại bỏ!

Rửa bằng máy rửa chén ở nhiệt độ lên đến 60 °C:

- Giá để cửa - VarioBox - Giá để chai - Giá đỡ cửa ngăn chia - Bình chứa nước HydroBreeze và nắp bình chứa nước* - Khay hứng nước* - Giá để trứng - Đĩa đựng bơ - FlexCube*

Đề tháo rời các bộ phận: xem phần có liên quan. Làm sạch các bộ phận.

9.8.5 Vệ sinh InfinitySpring *

Bạn có thể vệ sinh ổ cắm InfinitySpring và xung quanh ổ cắm mà không cần ngắt kết nối thiết bị khỏi nguồn điện.

Cần vệ sinh trong các trường hợp sau: Vận hành ban đầu Nếu không sử dụng trong hơn 5 ngày. Nhấn nút nhấn phía dưới của vòi lấy nước. Bộ phận xả nước di chuyển ra ngoài. Lau sạch vòi lấy nước và xung quanh bằng vải mềm, sạch, nước ấm và một ít chất tẩy rửa. Nhấn nút nhấn phía dưới. Rút và đổ 2 lít nước tại InfinitySpring.

9.8.6 Vệ sinh HydroBreeze*

Cần vệ sinh trong các trường hợp sau: Vận hành ban đầu HydroBreeze đã tắt trong hơn 48 giờ. Đổ đầy lại bình chứa nước.

Đảm bảo đáp ứng các điều kiện sau: Tắt HydroBreeze (xem HydroBreeze*). Bình chứa nước đã được tháo ra và vệ sinh trong đĩa máy giặt.

Lau sạch phần lõm bằng khăn ẩm. Lắp bình chứa nước vào. Kích hoạt HydroBreeze.

9.8.7 Sau khi vệ sinh

Lau khô thiết bị và các bộ phận. Kết nối và bật thiết bị.

Nhiệt độ đủ lạnh: Đặt thực phẩm vào bên trong. Lập lại việc vệ sinh thường xuyên.

10 Hỗ trợ khách hàng

10.1 Thông số kỹ thuật

Phạm vi nhiệt độ	
Làm mát	3 °C đến 9 °C
BioFresh	0 °C đến 3 °C
Cá & Hải sản tươi sống*	-2 °C đến 0 °C* Cài đặt có thể:* 0 °C 0 °C* -2 °C 0 °C* -2 °C -2 °C*
Chiếu sáng	
Lớp 1	Nguồn sáng
Sản phẩm này chứa một hoặc nhiều nguồn sáng đạt hiệu suất năng lượng loại G.	
DẪN ĐẾN	

1 Thiết bị có thể chứa các nguồn sáng có mức hiệu suất năng lượng khác nhau. Mức hiệu suất năng lượng thấp nhất sẽ được chỉ định.

Đối với các thiết bị có kết nối WiFi:

Thông số tần số	
Dải tần số	2,4 GHz
Bức xạ tối đa quyền lực	< 100 mW
Mục đích của thiết bị không dây	Tích hợp vào mạng WiFi cục bộ để truyền dữ liệu

10.2 Tiếng ồn khi vận hành

Thiết bị phát ra nhiều tiếng động khác nhau khi bật.

- Ở nhiệt độ cao hơn , thiết bị sử dụng ít năng lượng hơn nhưng hoạt động lâu hơn. Nó êm hơn.
- Ở nhiệt độ thấp hơn , thực phẩm được làm lạnh nhanh hơn. to hơn.

Ví dụ: •

Chức năng bật (xem 7.2 Chức năng của thiết bị) • Quạt đang chạy • Thực phẩm vừa được thêm vào

Khuyết điểm	Gây ra	Biện pháp khắc phục
Thiết bị không hoạt động.	Thiết bị chưa được bật. Bật thiết bị.	
	Phích cắm điện không được cắm đúng vào ổ cắm.	Kiểm tra phích cắm điện.
	Có điều gì đó không ổn với cầu chì ổ cắm điện.	Kiểm tra cầu chì.
	Mất điện	Giữ thiết bị đóng kín.

• Nhiệt độ môi trường cao • Cửa mở trong một thời gian

Tiếng ồn	Nguyên nhân có thể	Loại tiếng ồn
Sủi bọt và bắn tung tóe	Chất làm mát chảy vào mạch làm mát.	Tiếng ồn hoạt động bình thường
Tiếng rít	Chất làm mát phun vào mạch làm mát.	Tiếng ồn hoạt động bình thường
Tiếng vo ve	Thiết bị hoạt động bình thường ở chế độ làm mát. Độ ồn phụ thuộc vào công suất làm mát.	
Tiếng ồn hút	Cửa đóng êm Hoạt động bình thường là mở và đóng có tiếng ồn.	
Tiếng xào xạc rì rào và	Quạt đang chạy. Hoạt động bình thường tiếng ồn	
Nhấp chuột	Các thành phần bao gồm công tắc bình thường bật và tiếng ồn tắt.	
Tiếng vo ve lạch cạch hoặc	Van hoặc cánh van đang hoạt động.	Tiếng ồn chuyển mạch bình thường

Tiếng ồn	Nguyên nhân có thể	Loại tiếng ồn	Năng
Rung động	Thiết lập không đúng	Tiếng ồn bị lỗi	Cân cái bằng thiết bị bằng cách sử dụng chân có thể điều chỉnh.
Tiếng lạch cạch	Linh kiện, vật dụng bên trong thiết bị	Tiếng ồn bị lỗi	Các thành phần an toàn. Rời khỏi đủ khoảng cách giữa các vật phẩm.

10.3 Lỗi kỹ thuật

Thiết bị của bạn được thiết kế và chế tạo để đảm bảo hoạt động đáng tin cậy và có tuổi thọ cao. Trong trường hợp hiếm hoi xảy ra sự cố trong quá trình vận hành, vui lòng kiểm tra xem sự cố có phải do lỗi vận hành hay không. Nếu có, bạn sẽ phải trả phí gọi điện và sửa chữa ngay cả khi sự cố vẫn còn trong thời hạn bảo hành.

Bạn có thể tự sửa những lỗi sau.

10.3.1 Chức năng của thiết bị

Khuyết điểm	Gây ra	Biện pháp khắc phục
	Ổ cắm IEC không được cắm đúng cách vào thiết bị.	Kiểm tra ổ cắm IEC.
Nhiệt độ không đủ lạnh.	Cửa thiết bị không được đóng đúng cách.	Đóng cửa thiết bị.
	Nhiệt độ môi trường quá cao.	Giải pháp cho vấn đề: (xem 2.4 Phạm vi sử dụng của thiết bị)
	Thiết bị được mở quá nhiều lần hoặc quá lâu.	Chờ xem nhiệt độ cần thiết có tự điều chỉnh hay không. Nếu không, hãy liên hệ với Dịch vụ Khách hàng. (xem 10.4 Dịch vụ Khách hàng)
	Nhiệt độ được cài đặt không chính xác.	Giảm nhiệt độ và kiểm tra sau 24 giờ.
	Thiết bị quá gần nguồn nhiệt (lò nướng, lò sưởi, v.v.).	Di chuyển thiết bị hoặc nguồn nhiệt.
Gioăng cửa bị lỗi hoặc cần thay thế vì lý do khác.	Gioăng cửa có thể thay thế được. Có thể thay thế mà không cần dụng cụ chuyên dụng.	Liên hệ với Dịch vụ Khách hàng. (xem 10.4 Dịch vụ Khách hàng)
Thiết bị tích tụ quá nhiều đá hoặc hơi nước ngưng tụ.	Gioăng cửa có thể đã trượt ra khỏi rãnh.	Kiểm tra xem gioăng cửa đã được lắp chặt vào rãnh chưa.
Bề mặt bên ngoài của thiết bị ẩm.*	Nhiệt của mạch làm lạnh được sử dụng để tránh ngưng tụ.	Đây là điều bình thường.

10.3.2 Tính năng

Khuyết điểm	Gây ra	Biện pháp khắc phục
InfinitySpring không hoạt động.*	Có không khí trong hệ thống nước. Xả hết nước trong hệ thống nước. (xem 4.2 Đưa InfinitySpring vào vận hành*)	
	Kết nối nước không mở. Mở kết nối nước.	
Dòng nước chảy qua Suối Vô Cực không đều đặn.*	Bộ sục khí bị bẩn.	Thay thế bộ sục khí. (xem Liên hệ với Dịch vụ Khách hàng. 10.4 Dịch vụ khách hàng)
HydroBreeze không giữ được độ ẩm cho hàng hóa được làm lạnh.*	Không bật HydroBreeze.	Kích hoạt HydroBreeze.
	Không có đủ nước trong bình chứa nước.	Đổ đầy nước vào bình chứa.
	Có bụi bẩn ở phía trước bộ phận tập trung.	Làm sạch HydroBreeze.
	Bình chứa nước không được lắp đúng vị trí.	Nhấp vào bình chứa nước vào đúng vị trí.
	Nắp ngăn đựng trái cây và rau củ an toàn được đặt ở chế độ “độ ẩm thấp”.	Nắp ngăn đựng trái cây và rau củ an toàn được đặt ở chế độ “độ ẩm cao”.
Đèn bên trong không sáng.	Thiết bị chưa được bật. Bật thiết bị.	
	Cửa đã mở lâu hơn 15 phút.	Đèn nội thất sẽ tự động tắt sau khoảng 15 phút khi cửa mở.
	Đèn LED bên trong bị lỗi hoặc nắp bị hỏng.	Liên hệ với Dịch vụ Khách hàng. (xem 10.4 Dịch vụ Khách hàng)

* Tùy thuộc vào mẫu mã và tùy chọn

Đang tắt máy

10.4 Dịch vụ khách hàng

Trước tiên, hãy kiểm tra xem bạn có thể tự khắc phục lỗi hay không (xem mục 10 Trợ giúp khách hàng). Nếu bạn không thể khắc phục sự cố, hãy liên hệ với Dịch vụ Khách hàng. Bạn có thể tìm địa chỉ trong tờ rơi kèm theo "Liebherr-Service" hoặc tại home.liebherr.com/service.



CẢNH BÁO Sửa chữa không chuyên nghiệp!

Chấn thương. Mọi sửa chữa và hành động - không được chỉ định rõ ràng - đối với thiết bị và cáp nguồn chỉ được thực hiện bởi nhân viên bảo dưỡng. (xem mục 9 Bảo trì) Cáp nguồn bị hỏng chỉ có thể được thay thế bởi nhà sản xuất, Bộ phận Dịch vụ Khách hàng của nhà sản xuất hoặc người có trình độ tương đương. Đối với các thiết bị có đầu nối IEC, khách hàng có thể tự thay đổi.

10.4.1 Liên hệ với Dịch vụ Khách hàng

Đảm bảo rằng thông tin thiết bị sau đây có sẵn:

Tên thiết bị (mẫu và chỉ mục) Số dịch vụ
(Dịch vụ) Số sê-ri (Số S)

Gọi thông tin thiết bị thông qua màn hình. (xem Thông tin thiết bị)

-hoặc-

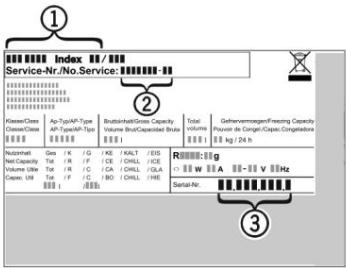
Tham khảo bảng thông tin thiết bị để biết thông tin. (xem 10.5 Bảng thông tin mẫu)

Ghi lại thông tin thiết bị. Thông báo cho bộ phận chăm sóc khách hàng: Báo cáo lỗi và thông tin thiết bị. Điều này sẽ giúp chúng tôi cung cấp cho bạn dịch vụ nhanh hơn và chính xác hơn.

Thực hiện theo hướng dẫn tiếp theo từ Bộ phận Chăm sóc Khách hàng.

10.5 Tắm mô hình

Tắm mô hình nằm ở phía sau các ngăn kéo bên trong thiết bị.



Hình 147
(1) Mô tả thiết bị (2) Số dịch vụ (3) Số sê-ri
vụ Lưu ý dữ liệu trên tấm mô hình.

11 Tắt máy

Làm trống thiết bị. Tắt HydroBreeze. (xem phần Tắt HydroBreeze)

Tắt thiết bị. (xem Tắt thiết bị và tiếp tục) Rút phích cắm điện ra khỏi ổ cắm.

Tháo ổ cắm IEC nếu cần: Rút ổ cắm IEC ra khỏi phích cắm của thiết bị và đồng thời di chuyển sang trái và phải. Vệ sinh thiết bị. (xem 9.8 Vệ sinh thiết bị) Để cửa mở để không phát sinh mùi khó chịu.

12 Xử lý

12.1 Chuẩn bị thiết bị để xử lý



Liebherr sử dụng pin trong một số thiết bị của mình. Tại EU, vì lý do môi trường, luật pháp yêu cầu người dùng cuối phải tháo pin trước khi thải bỏ thiết bị cũ. Nếu thiết bị của bạn có pin, sẽ có thông báo tương ứng được đính kèm.

Đèn Nếu bạn có thể tự tháo đèn mà không làm hỏng chúng, hãy tháo chúng ra trước khi vứt bỏ.

Ngừng sử dụng thiết bị. Nếu có thể: tháo đèn mà không làm hỏng chúng.

12.2 Xử lý thiết bị theo cách thân thiện với môi trường



Thiết bị này vẫn chứa các vật liệu có giá trị và phải được xử lý riêng với rác thải đô thị chưa phân loại.

Vứt bỏ pin riêng biệt với thiết bị cũ. Để làm điều này, bạn có thể trả lại pin miễn phí cho các nhà bán lẻ cũng như các trung tâm tái chế và thu gom vật liệu tái chế.

Đèn Vứt bỏ đèn đã tháo ra thông qua hệ thống thu gom tương ứng.

Đối với Đức: Bạn có thể vứt bỏ thiết bị miễn phí thông qua các thùng thu gom loại 1 tại các trung tâm thu gom vật liệu tái chế và tái chế tại địa phương. Khi mua tủ lạnh/tủ đông mới, nếu diện tích bán hàng > 400 m2, các nhà bán lẻ cũng sẽ nhận lại thiết bị cũ miễn phí.



CẢNH BÁO Rò rỉ chất làm mát và dầu!

Cháy. Chất làm mát chứa trong thiết bị thân thiện với môi trường, nhưng cũng dễ cháy. Dầu chứa trong thiết bị cũng dễ cháy. Chất làm mát và dầu rò rỉ có thể bắt lửa nếu nồng độ đủ cao và tiếp xúc với nguồn nhiệt bên ngoài. Không làm hỏng đường ống dẫn nước làm mát và máy nén.

Tuân thủ các lưu ý khi vận chuyển thiết bị. Vận chuyển thiết bị mà không làm hỏng thiết bị. Vứt bỏ pin, đèn và thiết bị theo đúng thông số kỹ thuật nêu trên.

* Tùy thuộc vào mẫu mã và tùy chọn



home.liebherr.com/fridge-manuals

EN

Ngày phát hành: 20251008

Mã số sản phẩm: 7083566-00